

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – ĐIỆN LỮ GIA



(Giấy CNĐKKD công ty cổ phần số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/03/2000 và thay đổi lần thứ 4 ngày 04/01/2005)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 152/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 08 năm 2007)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Trụ sở Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia

- 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM

2. Trụ sở Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

- 56 - 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM

3. Chi nhánh Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tại Hà Nội

- 57 Lầu 1 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phụ trách công bố thông tin:

- Họ tên: Ông Nguyễn Văn Thông Số điện thoại: (08) 962 6956

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – ĐIỆN LỬ GIA

(Giấy CNĐKKD số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/03/2000 và thay đổi lần thứ 4 ngày 04/01/2005)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ Khí – Điện Lữ Gia
Mã chứng khoán LGC
Mệnh giá: 10.000 đồng
Tổng số lượng chào bán: 2.000.000 cổ phiếu

Trong đó:

- ✓ Chào bán 1.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá bán 10.000 đồng/cổ phiếu
- ✓ Chào bán 1000.000 cổ phiếu cho đối tác chiến lược và cổ đông hiện hữu với giá bán 32.000 đồng/cổ phiếu

Tổng giá trị chào bán: 20.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

❖ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Trụ sở chính

Địa chỉ: 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84-8) 821 8666 Fax: (84-8) 821 4891

Website: www.das.vn Email: das@das.vn

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 944 5175 Fax: (84-4) 944 5176

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC (AISC)

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. HCM

Điện thoại: (84-8) 930 5163 Fax: (84-8) 930 4281

Website: www.aisc.com.vn Email: aisc@hcm.vnn.vn

MỤC LỤC



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về luật pháp	6
3. Rủi ro về lãi suất và tỷ giá.....	6
4. Rủi ro biến động giá của nguyên vật liệu.....	7
5. Rủi ro xuất phát từ các dự án	7
6. Rủi ro của đợt chào bán.....	8
7. Rủi ro khác	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	9
1. Tổ chức phát hành	9
2. Tổ chức tư vấn.....	9
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	10
1. Các khái niệm.....	10
2. Các từ viết tắt	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	11
2. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm/dịch vụ của Công ty	12
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	15
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	18
4.1 <i>Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tính đến thời điểm 19/03/2007)</i>	18
4.2 <i>Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty</i>	18
4.3 <i>Cơ cấu cổ đông của Công ty (tính đến thời điểm 19/03/2007)</i>	19
5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành.....	19
5.1 <i>Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia</i>	19
5.2 <i>Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia đang nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối.</i>	19
6. Hoạt động kinh doanh	20
6.1 <i>Các dự án lớn tiêu biểu</i>	20

6.2	<i>Sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của sản phẩm/dịch vụ qua các năm</i>	20
6.3	<i>Nguyên vật liệu</i>	22
6.4	<i>Chi phí sản xuất và quản lý bán hàng</i>	24
6.5	<i>Trình độ công nghệ</i>	25
6.6	<i>Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới</i>	27
6.7	<i>Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm</i>	28
6.8	<i>Hoạt động Marketing</i>	31
6.9	<i>Nhãn hiệu thương mại</i>	32
6.10	<i>Danh mục các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện</i>	32
7.	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2004 – 2006</i>	35
7.1	<i>Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2004 – 2006</i>	35
7.2	<i>Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty</i>	35
8.	<i>Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành</i>	37
8.1	<i>Triển vọng phát triển của ngành</i>	37
8.2	<i>Vị thế của Công ty trong ngành</i>	39
9.	<i>Chính sách đối với người lao động</i>	40
9.1	<i>Thực trạng lao động</i>	40
9.2	<i>Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho người lao động</i>	41
10.	<i>Chính sách cổ tức</i>	42
11.	<i>Tình hình hoạt động tài chính</i>	42
11.1	<i>Các chỉ tiêu cơ bản trong năm 2006</i>	42
11.2	<i>Thu nhập bình quân của người lao động</i>	43
11.3	<i>Thanh toán các khoản nợ đến hạn</i>	43
11.4	<i>Các khoản phải nộp theo luật định</i>	43
11.5	<i>Trích lập các quỹ</i>	43
11.6	<i>Tổng dư nợ vay</i>	44
11.7	<i>Tình hình công nợ hiện nay</i>	44
11.8	<i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</i>	45
12.	<i>Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng</i>	46
12.1	<i>Hội đồng quản trị</i>	46
12.2	<i>Ban kiểm soát</i>	51
12.3	<i>Ban Giám đốc</i>	54
12.4	<i>Kế toán trưởng</i>	56
13.	<i>Tài sản</i>	56

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty trong giai đoạn 2007-2009	57
15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	59
16. Đánh giá Công ty theo mô hình SWOT (Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức)	60
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	61
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán	61
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	62
1. Loại cổ phiếu	62
2. Mệnh giá.....	62
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán và niêm yết bổ sung.....	62
4. Giá chào bán dự kiến.....	62
5. Phương pháp tính giá.....	62
6. Phương thức phân phối	62
7. Thời gian phân phối cổ phiếu	63
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	63
9. Phương thức thực hiện quyền.....	64
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	67
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	67
12. Các loại thuế có liên quan	68
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	68
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	70
1. Mục đích chào bán	70
2. Phương án khả thi.....	70
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	74
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN	75
1. Tổ chức tư vấn phát hành : Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	75
2. Tổ chức kiểm toán : Công ty Kiểm toán & Dịch vụ Tin học (AISC)	75
IX. PHỤ LỤC	75

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Trong những năm qua, kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định: năm 2002 đạt 7,1%, năm 2003 đạt 7,23%, năm 2004 đạt 7,7%, năm 2005 đạt 8,4%, năm 2006 đạt 8,2%. Các chuyên gia phân tích đều cho rằng trong các năm tới, việc tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam duy trì ở mức 7-8%/năm là hoàn toàn khả thi. Cùng với sự phát triển lạc quan của nền kinh tế, quá trình đô thị hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông công cộng và các khu công nghiệp đang phát triển mạnh mẽ. Điều này sẽ trực tiếp tác động tốt đến sự mở rộng và phát triển của ngành cơ khí – điện chiếu sáng của Công ty.

Tuy nhiên, bên cạnh nền kinh tế phát triển, việc giá thành của hầu hết các mặt hàng và nguyên vật liệu có xu hướng tăng cao, trong đó điển hình là xăng dầu, sắt thép... đã làm cho chi phí đầu vào của các doanh nghiệp cũng tăng theo, gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra hệ thống luật pháp chưa đồng bộ, quá trình thực thi chưa đạt hiệu quả cao nên khả năng chính sách của Nhà nước thay đổi theo hướng bất lợi cho Công ty có thể xảy ra và ảnh hưởng không tốt đến giá cổ phiếu của Công ty.

3. Rủi ro về lãi suất và tỷ giá

Trong kế hoạch ngắn hạn và dài hạn, Công ty sẽ sử dụng một lượng lớn nguồn vốn tín dụng từ các ngân hàng để tài trợ cho các dự án. Do đó, việc biến động của lãi suất sẽ ảnh hưởng nhiều đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Lãi suất tăng sẽ gây áp lực cho Công ty trong việc trả lãi vay và làm giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty; và ngược lại, lãi suất giảm sẽ giúp Công ty giảm được tiền lãi vay phải trả và tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việc thanh toán bằng ngoại tệ của Công ty cho các khoản nhập trực tiếp linh kiện điện (chấn lưu, tụ điện và tụ kích) từ Tây Ban Nha, tuy nhiên, tỷ trọng của các khoản thanh toán này là không đáng kể trong tổng các khoản thanh toán của Công ty. Phần lớn các khoản doanh

thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam. Vì vậy, sự biến động về tỷ giá không có ảnh hưởng nhiều đến hoạt động và kế hoạch tài chính của Công ty.

4. Rủi ro biến động giá của nguyên vật liệu

Các loại nguyên vật liệu chính như thép tấm và thép ống chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá thành sản xuất của sản phẩm. Nguồn nguyên liệu thép mà Công ty sử dụng được mua lại từ các công ty cung ứng trong nước. Do các công ty này nhập khẩu thép trực tiếp từ nước ngoài nên giá thành chịu ảnh hưởng trực tiếp của giá phôi thép trên thế giới. Trong thực tế những năm vừa qua, giá thép liên tục biến động phức tạp (do ảnh hưởng bởi tình hình chiến sự, giá dầu mỏ, nguyên vật liệu trên thế giới) do đó cũng gây ảnh hưởng đến kế hoạch và kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sử dụng nguồn nguyên liệu này. Đây là một rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, giá kẽm cũng có xu hướng tăng trong những năm gần đây làm cho giá thành của công đoạn nhúng kẽm các sản phẩm trụ đèn của Công ty (hiện đang được thuê ngoài) tăng liên tục, gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

5. Rủi ro xuất phát từ các dự án

Một trong những rủi ro cần phải tính đến đối với Công ty đó là rủi ro về nguồn vốn huy động khi triển khai đồng thời 02 dự án với tổng mức đầu tư rất lớn so với nguồn vốn hiện có của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty đang nỗ lực tiếp xúc và làm việc với nhiều ngân hàng để tìm kiếm nguồn tài trợ với chi phí sử dụng vốn thấp nhất. Công ty đã được Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam đồng ý cho vay với hạn mức tín dụng 100 tỷ đồng thông qua bảo lãnh của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM với mức lãi suất 0,87%. Ngoài ra, Ngân hàng Đồng bằng sông Cửu Long cũng đã cho Công ty vay 30 tỷ đồng để tài trợ cho dự án nhà máy tại Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Ngoài ra, Công ty đã có được những đối tác có kinh nghiệm trong những lĩnh vực liên quan và khả năng tài chính để cùng hợp tác đầu tư các dự án nêu trên.

Bên cạnh đó, các rủi ro phát sinh ngoài dự kiến của báo cáo khả thi các dự án cũng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu, lợi nhuận của từng dự án nói riêng và của Công ty nói chung. Các rủi ro này có thể là việc lập kế hoạch tiến độ thi công và nhu cầu về vốn thi công; chi phí xây dựng và chi phí hoạt động; doanh thu và lợi nhuận của dự án sai lệch so với thực tế. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty tìm kiếm những đơn vị tư vấn, giám sát và đơn vị thi

công có uy tín và bề dày kinh nghiệm trong việc thi công các dự án tương tự nhằm đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công công trình.

Đối với Dự án xây dựng Khu Chung cư – Văn phòng – Thương mại tại số 70 Lữ Gia – Phường 15 – Quận 11, một rủi ro đặc thù là việc không thu được nguồn vốn ứng trước của khách hàng hoặc thu không đủ so với dự kiến. Để đề phòng rủi ro này, Công ty đã có kế hoạch thành lập một đội ngũ marketing riêng phối hợp cùng với các đối tác có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh chung cư và cung cấp văn phòng cho thuê để xúc tiến hoạt động tiếp thị.

6. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán được coi là không thành công trong trường hợp số lượng cổ phiếu thực tế bán được thấp hơn số lượng dự kiến chào bán trong thời hạn được cấp phép chào bán ra công chúng. Tuy nhiên, rủi ro này là không đáng kể bởi cổ phiếu chào bán trong đợt này bao gồm phân phối theo tỷ lệ 1: 1 với giá bằng mệnh giá cho cổ đông hiện hữu (10 tỷ đồng mệnh giá) và chào bán 1.000.000 cổ phần cho các cổ đông chiến lược và cổ đông hiện hữu với giá 32.000 đồng. Với vị thế sẵn có của Công ty trên thị trường truyền thống là sản phẩm chiếu sáng công cộng cộng với sự gia tăng nhu cầu đối với thị trường cho thuê căn hộ, văn phòng thì các dự án chuẩn bị triển khai có tính khả thi cao. Vì vậy khả năng các cổ đông từ chối quyền mua là thấp.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông NGUYỄN HỒNG ANH	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông CAO TẤN KHƯƠNG	Chức vụ: Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT
Ông NGUYỄN VĂN THÔNG	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông NGUYỄN ANH TUẤN	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông BÙI VIỆT	Chức vụ: Tổng Giám đốc
---------------------	------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin phép phát hành do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn phát hành với Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

1. Các khái niệm

Khái niệm	Định nghĩa
<i>UBCKNN</i>	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là Cơ quan quản lý Nhà nước về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán
<i>Công ty</i>	Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia (LUGIACO)
<i>HĐQT</i>	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
<i>BKS</i>	Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
<i>Tổ chức tư vấn</i>	Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS)

2. Các từ viết tắt

Từ viết tắt	Giải nghĩa
<i>SAMCO</i>	Tên viết tắt của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn
<i>KCN</i>	Khu công nghiệp
<i>KCX</i>	Khu chế xuất
<i>DT</i>	Doanh thu
<i>CNĐKKD</i>	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
<i>TTLK</i>	Trung tâm Lưu ký
<i>TVLK</i>	Thành viên Lưu ký

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – ĐIỆN LỬ GIA
Tên gọi tắt:	LUGIACO
Tên giao dịch đối ngoại:	LUGIA MECHANICAL ELECTRIC JOINT STOCK COMPANY
Vốn điều lệ:	10.000.000.000 đồng (<i>mười tỷ đồng</i>)
Website:	http://www.lugiacolighting.com
Điện thoại:	(84-8) 866 0543
Fax:	(84-8) 865 1155
Trụ sở:	70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP. HCM



Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia là một trong những công ty có uy tín của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và lắp đặt các hệ thống đèn chiếu sáng công cộng và tín hiệu giao thông. Sản phẩm của Công ty đã có mặt trên thị trường Việt Nam hơn 25 năm và được các khách hàng trong và ngoài nước tin nhiệm. Sản phẩm đèn và trụ đèn của Công ty được lắp đặt cho nhiều hệ thống chiếu sáng công cộng ở các khu chế xuất, khu công nghiệp, đường bờ Bắc - bờ Nam cầu Mỹ Thuận, các đoạn đường quốc lộ lớn, các hệ thống chiếu sáng ở các tỉnh miền Tây, miền Trung và miền Bắc. Bên cạnh đó, sản phẩm của Công ty cũng được xuất khẩu sang thị trường khu vực lân cận là Campuchia.

Tiền thân của Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia (LUGIACO) là Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978. Trong bối cảnh đất nước mới thống nhất vẫn còn rất nhiều khó khăn, với số vốn ít ỏi ban đầu và đội ngũ công nhân khiêm tốn, Công ty đã nỗ lực không ngừng để phát triển trở thành một trong những Công ty xây lắp điện và trang thiết bị chiếu sáng có uy tín trong nước. Đến tháng 12/1999, Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia theo quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28/12/1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, Công ty là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO).

Qua hơn 25 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì và Ba. Các sản phẩm của Công ty tham dự hội chợ thành tựu khoa học kỹ thuật toàn quốc đoạt 04 huy chương vàng, 01 huy chương bạc và được Ban

Tổ chức Mạng doanh nghiệp Việt Nam bình chọn là “Doanh nghiệp uy tín – chất lượng năm 2005”.

Qua nhiều năm tích lũy vốn và đầu tư thiết bị chiều sâu, đến nay, Công ty đã chế tạo được các sản phẩm đèn chiếu sáng công cộng từ 70 đến 400W, trụ đèn đường loại tròn côn và bát giác côn dài từ 04 đến 30 mét. Các sản phẩm đèn chiếu sáng của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chọn đưa vào "Chương trình phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2002-2005". Một số công trình tiêu biểu gắn liền với sự phát triển của Công ty như: Hệ thống chiếu sáng tại nút giao thông bờ Nam cầu Mỹ Thuận, hệ thống chiếu sáng cầu Tô Châu, cầu Trần Phú B, Đại Lộ Hùng Vương (Thành phố Hồ Chí Minh), đường Xuyên Á, đường An Sương – An Lạc (Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh), Khu công nghiệp bắc Thăng Long - Nội Bài (Hà Nội), Khu Công nghiệp Singapore.... Hiện nay Công ty đã đạt được những thỏa thuận cơ bản để thi công hệ thống chiếu sáng cho các công trình lớn như Cầu Rạch Miễu, Cầu Cần Thơ

Ngày 17 tháng 11 năm 2003, Công ty đã được Công ty TUV Rheinland Việt Nam cấp chứng chỉ số 01100039086 về việc áp dụng hệ thống Quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000.


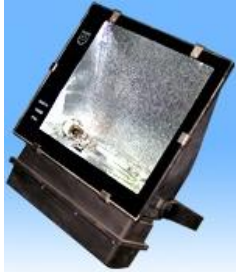

2. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm/dịch vụ của Công ty





Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy CNĐKKD công ty cổ phần số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/03/2000 và thay đổi lần thứ 4 ngày 04/01/2005, Công ty được phép kinh doanh các lĩnh vực sau:

- Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí – điện cho hệ thống chiếu sáng, tín hiệu giao thông và trang trí nội thất.
- Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí cho yêu cầu phục vụ vệ sinh môi trường.
- Sản xuất kinh doanh các loại trụ, cột bằng kim loại.
- Thiết kế, thi công lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng và hệ thống đèn tín hiệu giao thông.
- Sản xuất kinh doanh và lắp đặt các loại thiết bị báo hiệu giao thông.
- Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí, cơ khí chính xác và các sản phẩm khác theo luật định.
- Sản xuất kinh doanh và lắp đặt các cấu kiện sắt thép công nghiệp và dân dụng.

- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Kinh doanh nhà ở. Dịch vụ thương mại. Đại lý bán lẻ xăng dầu. Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Đào tạo dạy nghề.
- Thi công xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp dưới 35 KV.

Sản phẩm cung cấp: Với các lĩnh vực kinh doanh đã được đăng ký như trên, Công ty cung cấp các sản phẩm sau:

Sản phẩm	Công dụng	Đặc điểm	Hình ảnh minh họa
ĐÈN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG	Chiếu sáng công cộng, trên các trục chính giao thông, trong khu dân cư, đường phố...	<ul style="list-style-type: none"> - Thân đèn bằng nhôm đúc áp lực hoặc nhôm tấm, dập vuốt; sơn tĩnh điện. - Phản quang bằng nhôm tấm dập, bề mặt được xử lý anốt hoá. - Chóa đèn bằng thủy tinh chịu nhiệt hoặc nhựa PMMA. - Sử dụng bóng 150W-250W/220V (sodium - metal) 	
	Chiếu sáng quảng trường, tượng đài, sân thể thao, bảng quảng cáo...	<ul style="list-style-type: none"> - Thân đèn bằng nhôm đúc áp lực, sơn tĩnh điện. - Chóa đèn bằng thủy tinh chịu nhiệt. - Kích thước: 720 mm x 640 mm x 230 mm 	
TRỤ ĐÈN	<p><u>Trụ đèn trang trí / Trụ đèn trang trí để gang:</u> trang trí cho công viên, sân vườn, đường phố, khu dân cư, biệt thự...</p>	<p><u>Đặc điểm chung:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ cao từ 3,5m – 5m. - Được lắp các đèn trang trí có công suất từ 20W – 75W. - Được thiết kế phù hợp với kiến trúc phố cổ, sân vườn, công viên, quảng trường,... - Được thiết kế lắp được từ 1 – 5 đèn. <p><u>Trụ đèn trang trí:</u> trụ sắt được nhúng kẽm, sơn màu.</p> <p><u>Trụ đèn trang trí để gang:</u> đế trụ được đúc bằng gang, sơn màu.</p>	

Sản phẩm	Công dụng	Đặc điểm	Hình ảnh minh họa
ĐÈN SÂN VƯỜN	<u>Trụ bát giác côn / Trụ tròn côn / Trụ đèn chiếu sáng:</u> sử dụng trong các công trình chiếu sáng công cộng như đường sá, cầu phà....	<ul style="list-style-type: none"> - Trụ bằng thép, nhúng kẽm. - Trụ cao từ 4,5m – 12m. (Riêng Trụ đèn chiếu sáng cao từ 8m – 12m; cần và thân trụ được sơn màu) 	
	<u>Trụ đèn cao:</u> chiếu sáng khu vực rộng như sân bay, bến cảng, quảng trường, giao lộ cầu vượt, các xa lộ	<ul style="list-style-type: none"> - Trụ cao từ 14m – 30m - Trụ được thiết kế gắn từ 4 đến 12 bóng - công suất từ 250W – 1000W/220V (sodium - metal) 	
	Chiếu sáng lối đi trong công viên, biệt thự....	<ul style="list-style-type: none"> - Thân đèn bằng nhôm hoặc tole cuộn, sơn tĩnh điện. - Chóa đèn bằng nhựa PE, PMMA. - Sử dụng bóng từ 12W – 40W /220V. 	
ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG	Điều khiển các luồng giao thông tại các giao lộ.	<ul style="list-style-type: none"> - Thân trụ được làm bằng nhôm hoặc bằng thép nhúng kẽm. - Sử dụng đèn LED¹ hoặc đèn HALOGEN chuyên dùng. - Điều khiển tín hiệu bằng PLC² và vi xử lý. - Điều khiển đèn tín hiệu bằng tay hoặc tự động. 	

Nguồn: LUGIACO

¹ Đèn LED (Light-emitting Diode): Đèn đi-ốt phát sáng

² Programmable Logic Controller: Bộ điều khiển lập trình luận lý

Ngoài việc cung cấp sản phẩm, Công ty còn thực hiện **tu vấn, thiết kế, thi công lắp đặt mới** các hệ thống liên quan đến chiếu sáng, giao thông và tải điện bao gồm:

- > Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn chiếu sáng trang trí.
- > Hệ thống đèn tín hiệu giao thông.
- > Công trình đường dây tải điện và trạm biến áp dưới 35 KV.
- > Cấu kiện sắt thép công nghiệp, dân dụng.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, bao gồm 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Công ty; xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty; đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát là cơ quan có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Ban Giám đốc: Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

Các phòng ban trong Công ty:

Các phòng ban của Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia:

- > Phòng Quản lý Dự án – Đầu tư;

- Phòng Kỹ thuật – Vật tư;
- Phòng Kế hoạch Kinh doanh – Marketing (KHKD & Mar);
- Phòng Tài Chính Kế toán;
- Văn phòng;
- Nhà máy, trong đó bao gồm 5 tổ sản xuất sau:
 - ◆ Tổ bảo trì;
 - ◆ Tổ sản xuất 1;
 - ◆ Tổ sản xuất 2;
 - ◆ Tổ sản xuất 3;
 - ◆ Tổ sản xuất 4.
- Ban Kiểm tra Chất lượng (KCS).

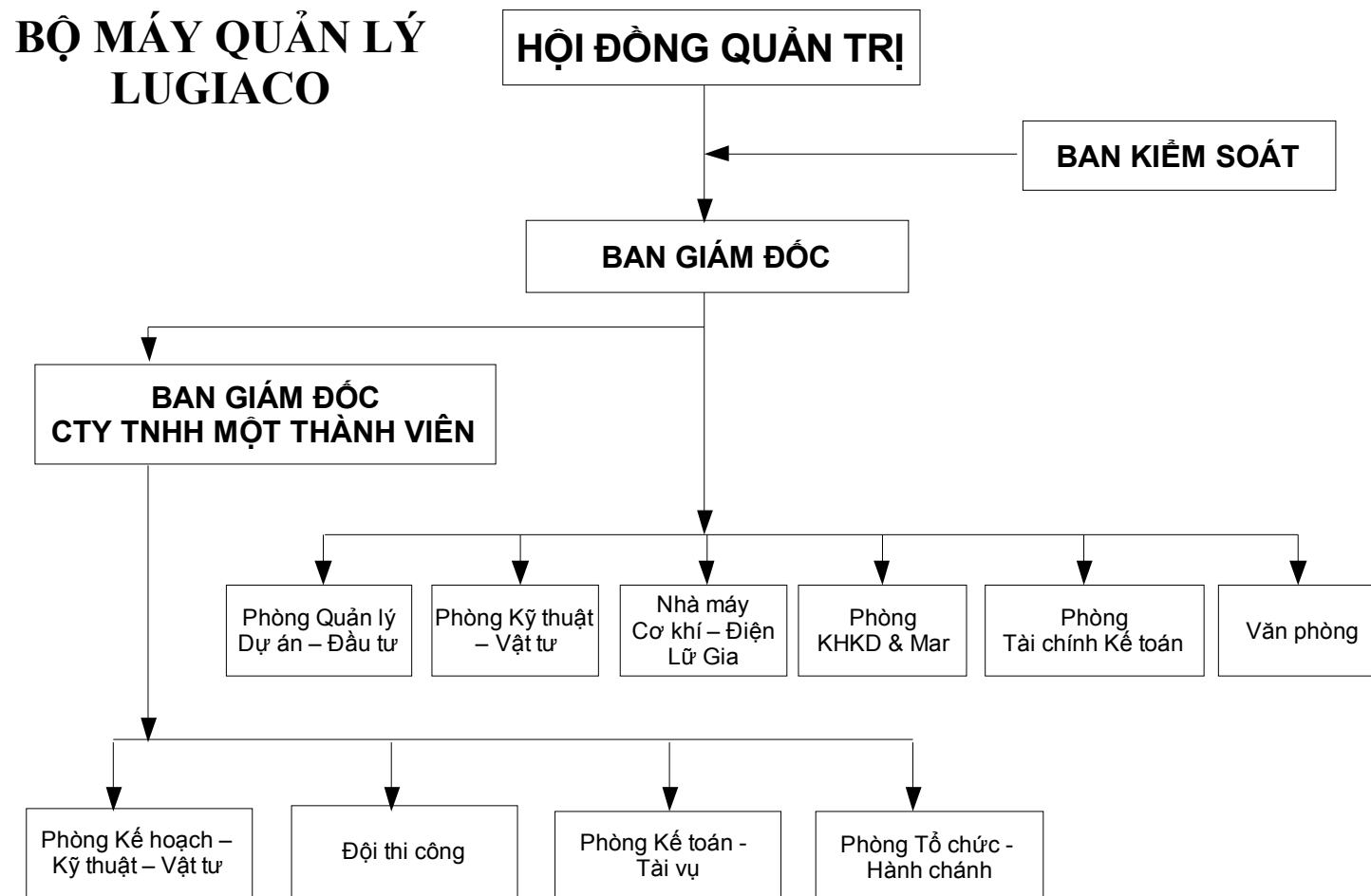
Các phòng ban của Công ty TNHH một thành viên Cơ khí – Điện Lữ Gia³:

- Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật – Vật tư;
- Đội thi công;
- Phòng Kế toán – Tài vụ;
- Phòng Tổ chức – Hành chính;

Các phòng ban thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc được hiệu quả và đúng pháp luật.

Các tổ chức Đảng Công sản Việt Nam, Công đoàn: các tổ chức đoàn thể hoạt động theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi của toàn thể các cổ đông và người lao động được thực hiện theo đúng pháp luật.

³ Công ty TNHH 1 Thành viên Cơ khí Điện Lữ Gia được thành lập theo Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 20/01/2006 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia



4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tính đến thời điểm 19/03/2007)

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/ Vốn cổ phần
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (Samco)	262-264 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP.HCM	200.000	2.000.000.000	20,0%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	48 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, TP.HCM	280.000	2.800.000.000	28,0%
Phan Xuân Thọ	78 Đào Duy Từ, P.5, Q.10	54.000	540.000.000	5,4%
Tổng cộng		534.000	5.340.000.000	53,4%

Nguồn: LUGIACO

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty

Căn cứ Giấy CNĐKKD số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/03/2000 và thay đổi lần thứ 4 ngày 04/01/2005, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty gồm:

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần
Đại diện vốn nhà nước (Samco) : Cao Tấn Khương	699 Lê Hồng Phong, P.10, Q.10, TP.HCM	9.200
Lâm Văn Tảng	172A/18/22 Lạc Long Quân, P.3, Q.11, TP.HCM	3.100
Cao Lương Ngọc	56B/66 Lạc Long Quân, P.3, Q.11, TP.HCM	1.420
Dương Thị Nhi	270/9 Điện Biên Phủ, Q.Thanh Khê, Đà Nẵng	1.050
Lê Quốc Bình	45 Trần Phú, P.4, Q.5, TP.HCM	460
Và 61 cổ đông		30.770
Tổng cộng		46.000

Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

4.3 Cơ cấu cổ đông của Công ty (tính đến thời điểm 19/03/2007)

Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
Nhà nước (Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn)	200.000	20,00%
Cổ đông trong nước	792.930	79,29%
Cổ đông nước ngoài	7.070	0,71%
Tổng cộng	1.000.000	100,00%

Nguồn: LUGIACO

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành**5.1 Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia**

Không có

5.2 Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia đang nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối.

Kể từ quý II/2006, đội xây lắp thuộc Công ty được tách ra và trở thành Công ty TNHH 1 Thành viên Cơ khí – Điện Lữ Gia do Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia sở hữu 100% vốn. Công ty này chuyên đảm nhiệm việc xây lắp các công trình chiếu sáng công cộng và điện lực:

- Tên công ty: Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí – Điện Lữ Gia
- Tên tiếng Anh: LUGIA MECHANICAL ELECTRIC COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt: LUGIA CO.LTD
- Địa chỉ: Lầu 3, 70 Lữ Gia – Phường 15 – Quận 11 – TP.HCM
- Điện thoại: (84-8) 8663575 Fax: (84-8) 86663575
- Website: <http://www.lugiacolighting.com>
- Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng)
- Giấy CNĐKKD: Số 4104000155 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/01/2006
- Ngành nghề kinh doanh:
 - ◆ Thiết kế công trình điện: đường dây dẫn và trạm biến áp từ 35 KV trở xuống.
 - ◆ Thi công lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, đường dây tải điện và trạm biến áp dưới 35 KV.

- ◆ Môi giới thương mại.
- > Tỷ lệ nắm giữ của LUGIACO: 100%.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Các dự án lớn tiêu biểu

Với những sản phẩm đáp ứng tốt các tiêu chuẩn về chiếu sáng công cộng và xây dựng, cùng với bề dày kinh nghiệm trong việc thực hiện xây lắp các hạng mục công trình liên quan đến tải điện và chiếu sáng công cộng, Công ty có đủ năng lực để thi công các công trình lớn, có các yêu cầu tính kỹ thuật cao.

Một số hạng mục công trình điển hình đã được Công ty thi công xây lắp trong thời gian qua bao gồm:

Tên hạng mục	Tổng trị giá (triệu đồng)	Giá trị do nhà thầu thực hiện (triệu đồng)	Thời gian khởi công	Đơn vị ký hợp đồng
Thi công hệ thống chiếu sáng dự án Đường Xuyên Á	6.128	6.128	11/2002	Liên doanh Anam Cienco 8
Thi công hệ thống chiếu sáng và tín hiệu giao thông Quốc lộ 1A đoạn An Suong - An Lạc	12.154	12.154	04/2002	Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc.
Thi công, di dời, cải tạo và nâng cấp Hệ thống đèn chiếu sáng mở rộng đường Hùng Vương	4.683	4.683	11/2000	Công ty Đầu tư và Dịch vụ Thành phố Hồ Chí Minh
Thi công, xây lắp hệ thống chiếu sáng cầu Mỹ Thuận	1.887	1.887	11/1997	Bộ Giao thông Vận tải - Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận

Nguồn: LUGIACO

Những hạng mục công trình lớn như trên thể hiện được năng lực cũng như uy tín của Công ty trong việc thực hiện những công trình xây lắp các hệ thống chiếu sáng công cộng thuộc những dự án xây dựng lớn của quốc gia.

6.2 Sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của sản phẩm/dịch vụ qua các năm

Sản lượng sản phẩm của Công ty qua các năm như sau:

Sản phẩm	ĐVT	Năm 2005	Năm 2006	Quý 2/2007
Trụ đèn chiếu sáng	Trụ	8.277	6.646	4.981
Cần đèn chiếu sáng	Cần	7.666	8.988	5.162
Chóa đèn chiếu sáng	Bộ	6.647	3.758	2.298
Thiết kế, thi công xây lắp công trình	Công trình	23	28	30

Nguồn: LUGIACO

Tỷ lệ doanh thu của từng sản phẩm trên tổng doanh thu:

Đơn vị tính: triệu đồng

Sản phẩm	Năm 2005		Năm 2006		Quý 2/2007	
	DT	Tỷ lệ/Tổng DT	DT	Tỷ lệ/Tổng DT	DT	Tỷ lệ/Tổng DT
Trụ đèn chiếu sáng	14.994	38%	15.278	38%	9.768	38%
Cần đèn chiếu sáng	1.578	4%	2.393	6%	1.705	6%
Chóa đèn chiếu sáng	5.524	14%	4.485	11%	2.802	11%
Thiết kế, thi công và xây lắp công trình	15.435	39%	16.784	42%	10.994	43%
Vật tư và doanh thu khác	1.927	5%	1.503	3%	587	2%
Tổng cộng	39.458	100%	40.443	100%	25.856	100%

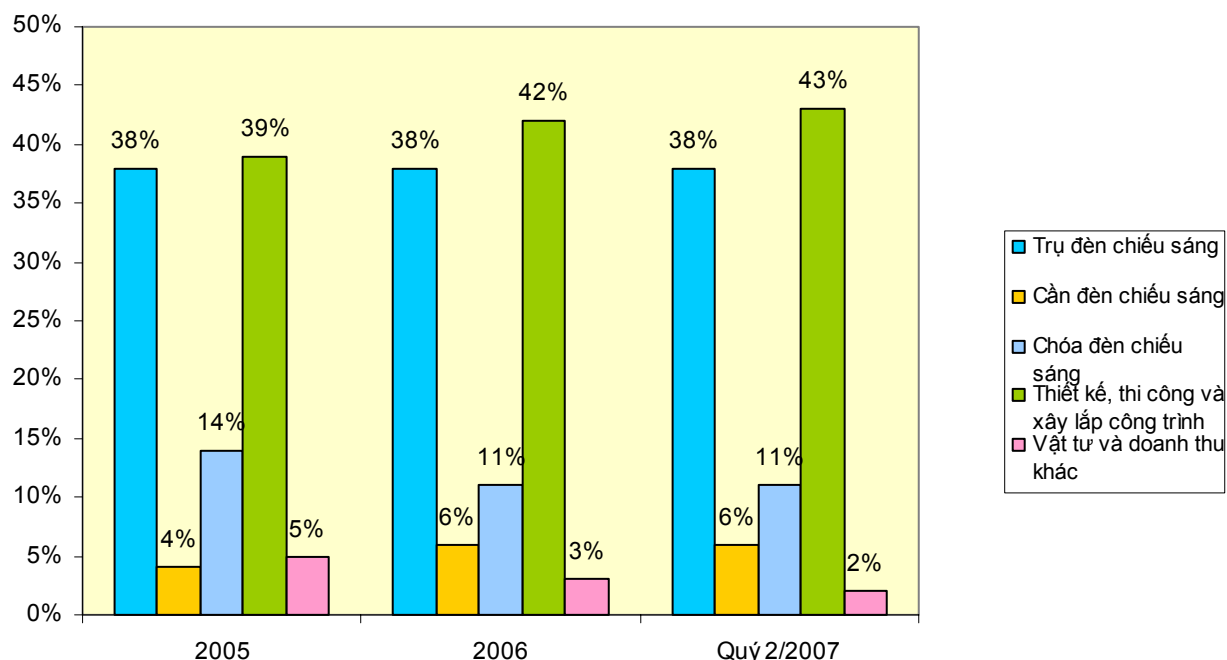
Nguồn: LUGIACO

Doanh thu của Công ty có sự tăng trưởng đều đặn qua các năm. Năm 2006, doanh thu tăng 2,49% so với năm 2005. Điều này cho thấy Công ty đã giữ được mức độ tăng trưởng trung bình hàng năm, thể hiện nỗ lực của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong kinh doanh nhất là trong bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt.

Trụ đèn chiếu sáng, sản phẩm chủ lực của Công ty, chiếm một tỷ trọng trong tổng doanh thu hằng năm khoảng 30% - 38%. Năm nay, doanh thu của trụ đèn chiếu sáng và các sản phẩm cần đèn chiếu sáng, chóa đèn chiếu sáng, vật tư... có xu hướng giảm sút so với các năm trước. Nguyên nhân chính là do tình hình biến động giá cả sắt thép, xăng dầu, nguyên liệu phục vụ sản xuất, chi phí gia công ngoài tăng cao... Đây cũng là những khó khăn chung của ngành cơ khí. Ngược lại, doanh thu từ mảng hoạt động thiết kế, thi công và xây lắp công trình lại tăng, từ 39% lên 42% trong tổng doanh thu. Ngoài ra, Công ty đã ký được nhiều hợp đồng

thi công xây dựng các công trình đang được thực hiện nhưng chưa hoàn thành gói đầu sang năm 2007 đảm bảo có đủ công trình thi công cho năm 2007.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm/dịch vụ qua các năm



6.3 Nguyên vật liệu

a. Các loại nguyên vật liệu chính

Nguyên vật liệu chính được Công ty sử dụng để sản xuất được chia làm 02 loại:

- **Nguyên vật liệu cơ khí:** dùng để sản xuất các loại trụ đèn, cần đèn, thân đèn và chóa đèn; bao gồm:
 - ◆ **Thép tấm:** được sử dụng để sản xuất các loại trụ đèn chiếu sáng công cộng với các độ dày 3 mm; 3,5 mm; 4 mm; 10 mm và 12 mm.
 - ◆ **Ống thép các loại:** dùng để sản xuất cần đèn các loại.
 - ◆ **Nhôm lá:** được dùng để sản xuất thân đèn, chóa đèn phản chiếu đèn của đèn chiếu sáng công cộng.
- **Linh kiện điện:** dùng để sản xuất đèn chiếu sáng, bao gồm chấn lưu, tụ điện và tụ kích. Các linh kiện này chủ yếu được nhập khẩu từ Tây Ban Nha.

Bên cạnh đó, nhằm thỏa mãn thị hiếu cũng như nhu cầu của thị trường, Công ty cũng đã tự nghiên cứu và sản xuất thành công chấn lưu, tụ kích mang nhãn hiệu LUGIACO và đã đưa vào lắp ráp chóa đèn các loại từ năm 1994. Các linh kiện này đã được cấp giấy kiểm

nghiệm của Trung tâm Kiểm tra Chất lượng Khu vực 3, được đưa vào lắp đặt cho nhiều công trình cũng như nhiều địa phương trong nước và đạt kết quả khả quan.

Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty

STT	Nguyên liệu	Nhà cung cấp
1	Thép tấm	Công ty TNHH Sắt thép Cửu Long
2	Thép tấm	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại S.M.C
3	Ống thép	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát
4	Nhôm lá (làm thân đèn)	Công ty TNHH Cát Tường
5	Nhôm lá (làm chóa phản chiếu)	Công ty TNHH Nhôm Nhựa Kim Hăng
6	Linh kiện điện: chấn lưu, tụ điện và tụ kích	Especialidades Luminotecnicas S.A (E.L.T) (Tây Ban Nha)

Nguồn: LUGIACO

b. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Đối với các nguồn nguyên liệu cơ khí (tấm thép, ống thép các loại và nhôm lá), Công ty lựa chọn các nhà cung cấp trong nước thông qua quá trình kiểm tra nghiêm ngặt về chất lượng. Sản phẩm của các công ty cung ứng trong nước này có uy tín và chất lượng được bảo đảm với nhãn hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao và tuân thủ theo tiêu chuẩn ISO do các công ty quản lý chất lượng nước ngoài có uy tín trên thế giới chứng nhận. Bên cạnh đó, Công ty liên tục đánh giá khả năng cung ứng nguyên vật liệu của các nhà cung cấp về các mặt chất lượng, số lượng và thời gian giao hàng, từ đó chủ động kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào, tạo tiền đề cho sản phẩm đầu ra của Công ty đảm bảo về chất lượng và tiến độ thời gian giao hàng.

Đối với các linh kiện điện (chấn lưu, tụ điện và tụ kích), Công ty nhập khẩu trực tiếp từ công ty Especialidades Luminotecnicas S.A (E.L.T) của Tây Ban Nha. Đối với nguồn linh kiện điện này, Công ty luôn có thể chủ động trong việc kiểm soát giá bằng việc chốt giá nhập khẩu tại thời điểm đặt hàng căn cứ theo giá đồng (nguyên liệu chính dùng làm dây quấn trong các linh kiện điện) niêm yết tại Thị trường Kim loại Luân Đôn (LME).

Đối với các linh kiện do Công ty nghiên cứu và sản xuất, chất lượng cũng được kiểm tra nghiêm ngặt, tuân thủ theo các quy trình của Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2000 mà Công ty đang áp dụng.

Đối với nguyên vật liệu phụ như ốc, vít, bù loong ..., nguồn cung cấp khá dồi dào và giá bán giữa các đơn vị cung cấp tương đối cạnh tranh. Điều này giúp cho Công ty dễ dàng trong việc chọn lựa sản phẩm thích hợp.

c. Ảnh hưởng của sự biến động giá nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Các loại nguyên vật liệu chính như thép tấm và thép ống chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng giá thành sản xuất của sản phẩm. Thép tấm chiếm khoảng 50% trong tổng giá thành sản xuất trừ các loại và thép ống chiếm tỷ trọng từ 63% - 95% tùy theo từng loại trong tổng giá thành sản xuất cần đèn. Nguồn nguyên liệu thép được Công ty mua lại từ các công ty cung cấp trong nước, tuy nhiên do các công ty này nhập khẩu thép trực tiếp từ nước ngoài nên giá thành chịu ảnh hưởng và biến động theo giá thép trên thị trường thế giới. Chính vì vậy, sự biến động về giá của các loại nguyên vật liệu này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty do giá bán sản phẩm của Công ty không thể thay đổi cùng lúc với sự thay đổi của giá nguyên vật liệu, nhất là đối với những hợp đồng cung cấp sản phẩm đã ký kết trước khi có sự biến động về giá nguyên vật liệu.

Nắm bắt được điều này, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty luôn có sự chỉ đạo trực tiếp để đưa ra những giải pháp điều tiết kịp thời nguồn nguyên vật liệu, hạn chế những thiệt hại phát sinh từ sự biến động giá của nguyên vật liệu. Trong dài hạn, nếu giá nguyên vật liệu vẫn tiếp tục biến động thì giá bán sản phẩm sẽ được điều chỉnh phù hợp với giá thực tế của nguyên vật liệu.

Bên cạnh đó, với việc áp dụng Hệ thống Quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, bộ phận sản xuất và bộ phận bán hàng của Công ty hoạt động đồng bộ và phối hợp nhịp nhàng trong việc dự trù nhu cầu và thời điểm sử dụng nguyên vật liệu phục vụ cho việc sản xuất, giảm thiểu những rủi ro của sự biến động giá nguyên vật liệu, đảm bảo sự ổn định trong sản xuất kinh doanh.

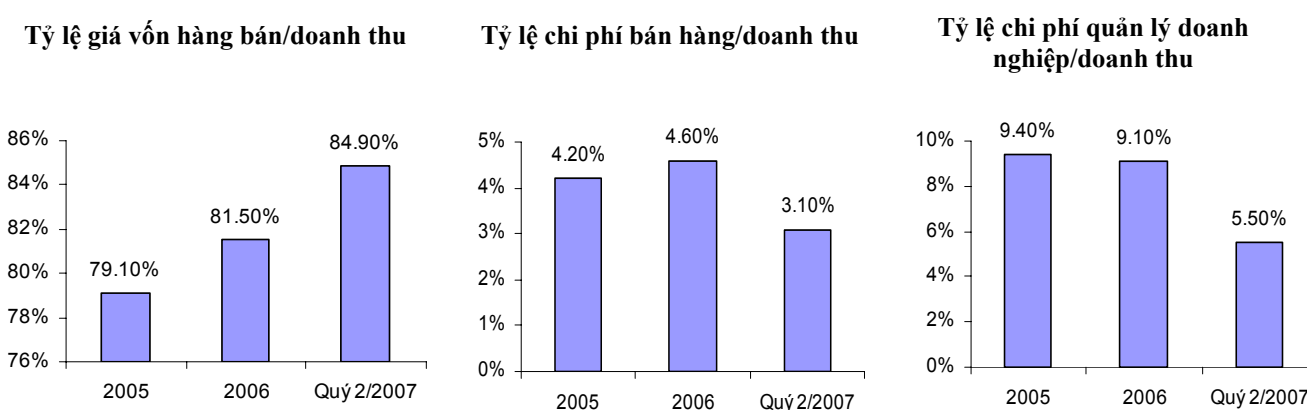
6.4 Chi phí sản xuất và quản lý bán hàng

Đơn vị tính: triệu đồng

Sản phẩm	Năm 2005		Năm 2006		Quý 2/2007	
	Giá trị	% DT	Giá trị	% DT	Giá trị	% DT
Giá vốn hàng bán	31.204	79,1%	32.948	81,5%	21.970	84,9%
Chi phí bán hàng	1.669	4,2%	1.886	4,6%	809	3,1%
Chi phí QLDN	3.721	9,4%	3.679	9,1%	1.439	5,5%
Tổng cộng	36.594	92,7%	38.513	95,2%	24.218	93,6%

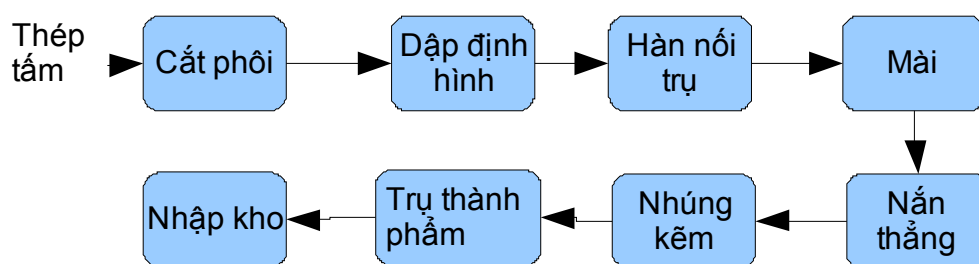
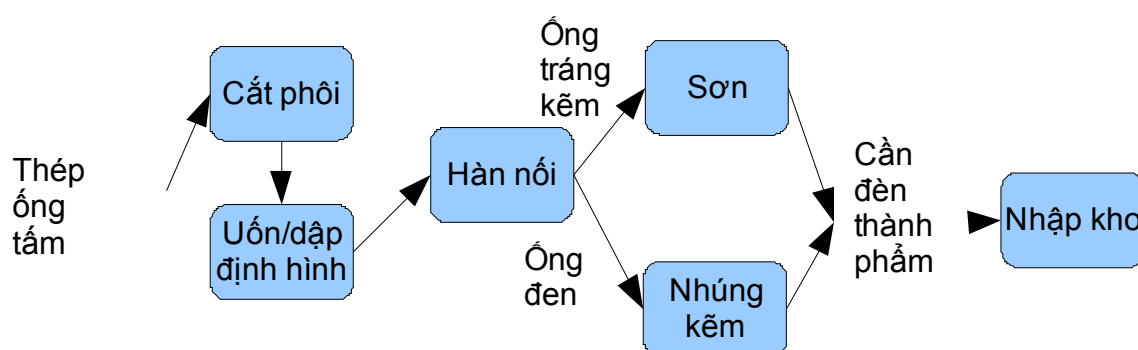
Nguồn: BCTC kiểm toán 2005, 2006 và BCTC Quý 2/2007 của LUGIACO

Tỷ trọng giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng quản lý trong tổng doanh thu của Công ty từ 2005 – 2006 chiếm từ 92% – 96%, đây là mức chi phí hợp lý trong điều kiện hiện tại của Công ty. Xét trong bối cảnh cạnh tranh hiện tại về mặt giá cả, việc Công ty tăng giá bán sản phẩm để giảm tỷ trọng chi phí trong tổng doanh thu và đạt tỷ lệ lợi nhuận cao hơn là khá khó khăn. Công ty đang cố gắng kiểm soát chặt chẽ các loại chi phí để nâng cao tỷ lệ lợi nhuận hơn nữa. Cụ thể là các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp có xu hướng giảm qua các năm.



6.5 Trình độ công nghệ

Công nghệ sản xuất của Công ty được chia làm hai mảng chính: công nghệ sản xuất trụ đèn và công nghệ sản xuất đèn.

Quy trình sản xuất trụ đèn:**Quy trình sản xuất cần đèn:**

Một số máy móc thiết bị chính dùng cho các quy trình sản xuất của Công ty có xuất xứ từ Nhật, Đức, Mỹ, Hàn Quốc... có thời gian sản xuất đã lâu. Hiện tại, dây chuyền máy móc thiết bị của Công ty đáp ứng được các tiêu chuẩn về lĩnh vực chiếu sáng và xây lắp công trình của Việt Nam. Quy trình công nghệ của Công ty được đánh giá là tương đương với các đơn vị sản xuất cùng ngành trong nước, sản xuất được sản phẩm thỏa mãn được những nhu cầu về mẫu mã, chất lượng của khách hàng và có tính cạnh tranh với sản phẩm của các đơn vị cùng ngành trong nước. Đối với các sản phẩm cùng loại của nước ngoài, sản phẩm của Công ty có chất lượng và mẫu mã gần như tương đương nhưng giá thành lại rẻ hơn, tạo được sự cạnh tranh về giá. Một số máy móc thiết bị sản xuất chính của Công ty bao gồm:

Thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Công suất thiết kế
BỘ PHẬN SẢN XUẤT TRỤ				
Máy khoan	02	Nhật Bản	-	2,2 KW
Máy nhấn trụ 4M	01	Nhật Bản	1964	60 trụ/ca
Máy cắt Tole 3M	01	Nhật Bản	1976	400 M/ca

Thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Công suất thiết kế
BỘ PHẬN SẢN XUẤT TRỤ				
Máy nhấn trụ 6M	01	Việt Nam	1999	60 trụ/ca
Máy hàn hồ quang	16	Việt Nam	1999	10 KVA
Máy ép thủy lực	03	Việt Nam	2001	60 tấn
Máy hàn MIG	02	Ấn Độ, Đức	2002	105 M/ca/máy
Máy cắt plasma	02	Mỹ, Hàn Quốc	2003	100 KVA
BỘ PHẬN SẢN XUẤT CẦN VÀ CHI TIẾT ĐÈN				
Máy tiện	06	Nga, Pháp	-	2 – 10 KW
Máy phay	01	Nhật Bản	-	2,2 KW
Máy khoan	03	Việt Nam, Nhật Bản	1988	1 – 5 KW
Máy ép thân đèn	02	Việt Nam	1999	100 tấn
Máy hàn hồ quang	05	Việt Nam	1999	10 KVA
Máy ép đế	02	Việt Nam	2002	120 tấn
Máy uốn cần	03	Việt Nam	2003	100 cần/ngày/máy

Nguồn: LUGIACO

Với dây chuyền sản xuất và công nghệ hiện có, hằng năm Công ty sản xuất khoảng 7.000 bộ sản phẩm hoàn chỉnh bao gồm trụ đèn, cần đèn và đèn, đạt 70% công suất tối đa của máy móc thiết bị.

6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty được chú trọng và đầu tư đúng mức. Hàng năm, Công ty đề ra các mục tiêu cụ thể về số lượng các sản phẩm mới được nghiên cứu. Trong giai đoạn 2004 – 2005, đã có 10 sản phẩm trụ đèn và 02 sản phẩm đèn mới được Công ty nghiên cứu phát triển và đưa ra thị trường.

Việc nghiên cứu sản phẩm mới của Công ty chủ yếu tập trung vào việc cải tiến mẫu mã, hình dạng và kích thước của các sản phẩm (trụ đèn chiếu sáng công cộng, trụ trang trí sân vườn/công viên, các loại đế và cần hoa văn trang trí) nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng. Trong năm 2006, Công ty đã nghiên cứu thành công hai sản phẩm mới:

- + Sản phẩm trụ trang trí bằng gang đúc cao từ 3 – 4m, đế trang trí hình bông sen, tay đèn hình bông mai, bố cục hài hòa, đẹp.
- + Trụ chiếu sáng có đế trang trí, cần đèn: trụ cao từ 8 – 10m, được trang trí một đế bông

sen nổi với một cần kiểu, sản phẩm có tính thẩm mỹ, thanh thoát.

Hiện tại, Công ty đang từng bước triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin vào việc thiết kế các hệ thống đèn chiếu sáng công cộng. Đề tài nghiên cứu thiết kế “Nghiên cứu thiết kế phần mềm tin học tính toán chiếu sáng các công trình chiếu sáng đường phố” của Công ty đã được nghiệm thu với Sở Khoa học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh và xếp loại Khá.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đầu tư trang thiết bị để nghiên cứu chế tạo ra các sản phẩm chuyên dụng khác như trụ đèn trang trí sử dụng năng lượng mặt trời (đang trong giai đoạn hoàn thành thiết bị); các loại trụ và sản phẩm dùng trong truyền tải điện, quảng cáo và viễn thông (đang trong giai đoạn đầu tư thiết bị); các sản phẩm đúc áp lực và sơn tĩnh điện.

Bộ phận kỹ thuật đưa ra nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm lợi cho Công ty do giảm được chi phí sản xuất như hàn trụ trên máy hàn MIG không cần mài phẳng mỗi hàn ghép, làm giảm thời gian gia công trụ hoặc tính toán và lắp đặt tủ bù điện nhằm giảm chi phí tiêu hao điện năng, nâng cao tuổi thọ của máy biến thế.

6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

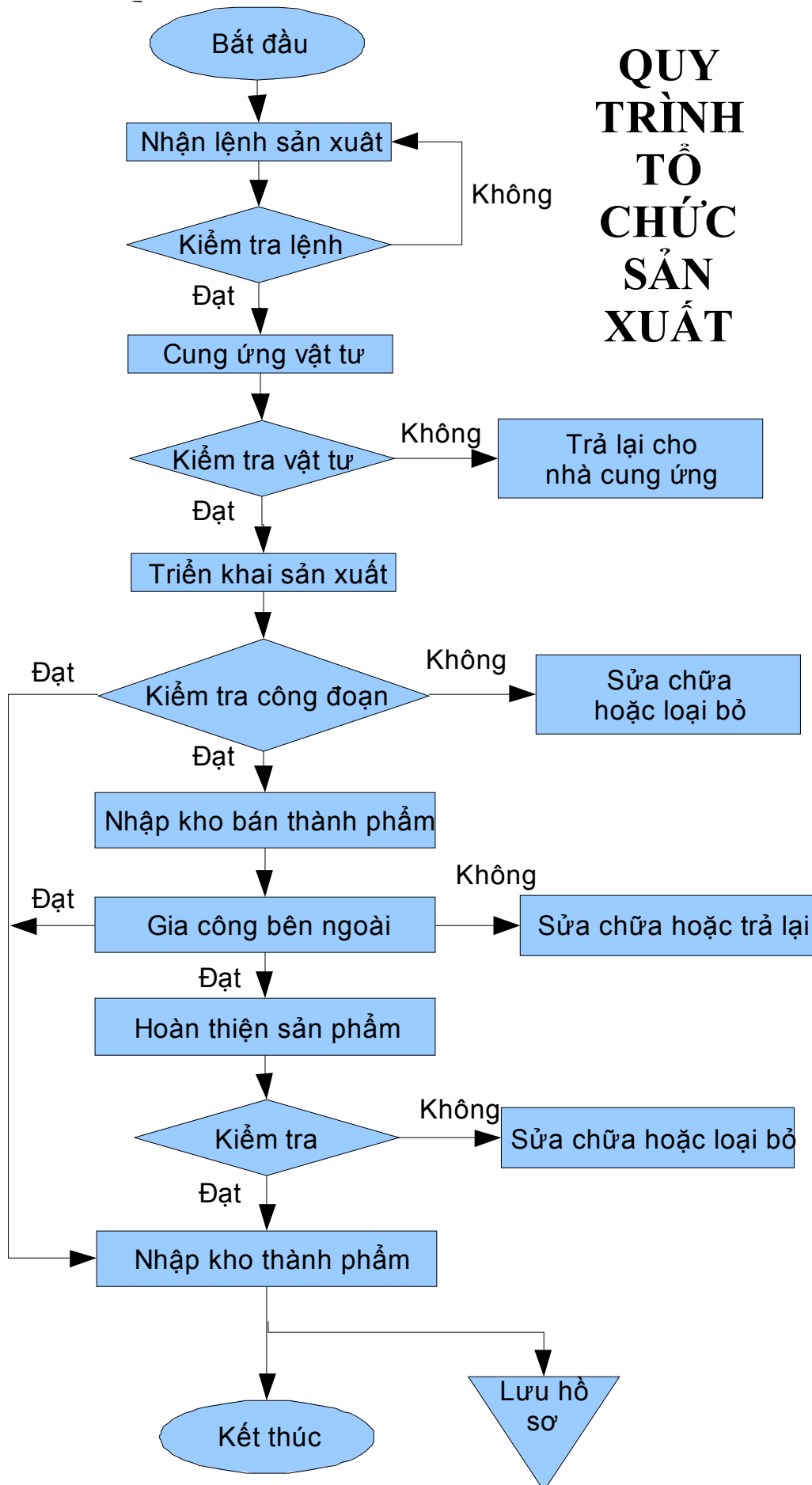


Với nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh cũng như đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm của khách hàng, Công ty đã tiến hành xây dựng Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2000 từ tháng 11/2002. Phạm vi của Hệ thống Quản lý Chất lượng của Công ty bao gồm các giai đoạn thiết kế, sản xuất, kinh doanh các loại thiết bị chiếu sáng và hệ thống chiếu sáng; thi công xây lắp điện, hệ thống chiếu sáng và tín hiệu giao thông phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2000 theo quy trình của tổ chức TÜV CERT chứng nhận. Đến tháng 11/2003, Công ty chính thức xây dựng thành công Hệ thống Quản lý Chất lượng theo

tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 và được Công ty TUV Rheinland cấp chứng nhận số 01100039086.

Với Hệ thống Quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO9001:2000 đang được áp dụng, các công việc từ lập kế hoạch đến tiến hành sản xuất đều được kiểm soát chặt chẽ, hạn chế tối đa những sai sót trong quá trình sản xuất. Quy trình tổ chức sản xuất sản phẩm của Công ty được thể hiện trong sơ đồ sau:

QUY TRÌNH TỔ CHỨC SẢN XUẤT



6.8 Hoạt động Marketing

Với bề dày hoạt động trên 25 năm, các sản phẩm chiếu sáng công cộng mang thương hiệu LUGIACO đã có mặt tại nhiều công trình lớn của đất nước và đã chiếm lĩnh được lòng tin và sự tín nhiệm từ khách hàng. Trong hoạt động marketing, Công ty áp dụng những chiến lược sau:

Chiến lược sản phẩm: Với đặc thù của các sản phẩm đèn chiếu sáng công cộng, nhu cầu và thị hiếu của khách hàng đối với mẫu mã và kiểu dáng của các sản phẩm rất cao và đa dạng, đặc biệt là đối với các sản phẩm chủ lực của Công ty là trụ đèn các loại, bao gồm trụ đèn chiếu sáng công cộng, trụ trang trí sân vườn/công viên. Do đó, Công ty luôn chú trọng việc phát triển những mẫu mã và kiểu dáng mới của các sản phẩm này nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về mặt thẩm mỹ của khách hàng.

Công ty cũng tiến hành việc nghiên cứu và chế tạo các sản phẩm có tính năng chuyên dụng khác nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường như trụ đèn trang trí sử dụng năng lượng mặt trời, trụ đèn và sản phẩm dùng trong việc truyền tải điện, quảng cáo và viễn thông.

Chiến lược giá cả: Công ty thực hiện chiến lược giá bán linh hoạt theo từng công trình, mối quan hệ cộng tác với từng đối tượng khách hàng và số lượng sản phẩm cung cấp.

Đối với từng công trình Công ty tham gia đấu thầu, Công ty tiến hành việc tìm hiểu về nguồn vốn, khả năng và thời gian thanh toán của chủ thầu để từ đó xác định giá bỏ thầu (bao gồm giá sản phẩm và giá dịch vụ xây lắp) hợp lý, đồng thời cung cấp thêm cho khách hàng những dịch vụ khác theo yêu cầu, chẳng hạn như vận chuyển hàng đến thẳng công trình cho khách hàng.... Đối với những chủ thầu có khả năng thanh toán nhanh, nguồn vốn lớn hoặc khối lượng đặt mua hoặc thi công nhiều, Công ty có chính sách xác định giá bán sản phẩm và xây lắp thấp hơn so với mặt bằng chung nhằm thắng thầu và tạo dựng mối quan hệ tốt đối với các khách hàng này. Bên cạnh đó, chính sách giá cả này cũng được áp dụng đối với những khách hàng là những đơn vị thi công xây lắp công trình mua sản phẩm của Công ty.

Xúc tiến bán hàng: Công ty luôn chú trọng việc phát triển nguồn khách hàng và xúc tiến bán hàng thông qua việc tìm kiếm thông tin về các công trình xây dựng (đường sá, khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư) có nhu cầu lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng, từ đó chủ động tiếp xúc các nhà thầu, chủ đầu tư để trực tiếp tư vấn về mặt thiết kế, xây lắp và giới thiệu các mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm phù hợp với kiến trúc công trình và tham gia đấu thầu nếu chủ thầu/chủ đầu tư tổ chức. Đối với những công trình không trúng thầu hoặc không tham gia

đấu thầu, Công ty sẽ liên hệ trực tiếp với đơn vị trúng thầu (thường là các đơn vị chỉ chuyên về xây lắp) để tiếp thị sản phẩm và cung cấp sản phẩm nếu đơn vị đó yêu cầu. Ngoài ra, Công ty cũng chủ động tiếp thị sản phẩm đến những đơn vị chuyên xây lắp công trình đồng thời tiếp thị những mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm mới đến những khách hàng hiện tại.

6.9 Nhận hiệu thương mại

Sản phẩm chóa đèn của Công ty đã được Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa với 02 biểu tượng sau:



Công ty cũng đã tiến hành đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp cho sản phẩm chóa đèn/chóa đèn cao áp với Cục Sáng chế thuộc Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước. Tính đến thời điểm hiện nay, các giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa và bảo hộ kiểu dáng công nghiệp đã hết hiệu lực nên Công ty đang xúc tiến việc đăng ký lại và có bổ sung thêm những sản phẩm khác.

6.10 Danh mục các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đối tác/Hạng mục	Sản phẩm cung cấp	Giá trị ước tính	Thời gian thực hiện
A	CUNG CẤP VẬT TƯ PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH			
1	Công ty TNHH Việt Nam Schreder	Trụ và cần đèn chiếu sáng	828	2006
2	Công ty Công trình Giao thông Công chính	Trụ và cần đèn chiếu sáng	742	2006
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Điện Sài Gòn	Trụ và cần đèn và đèn chiếu sáng	695	2006
4	Công ty TNHH một thành viên Cơ khí – Điện Lữ Gia	Trụ và cần đèn chiếu sáng	423	2006

STT	Đối tác/Hạng mục	Sản phẩm cung cấp	Giá trị ước tính	Thời gian thực hiện
5	Xí nghiệp lắp máy điện nước – Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị – IDICO	Trụ, cần đèn chiếu sáng và trụ trang trí	324	2006
6	Công ty Cổ phần Điện Cơ (EMEC)	Trụ và cần đèn chiếu sáng	206	2006
7	Công ty TNHH Xây dựng Thịnh An	Trụ và cần đèn chiếu sáng	200	2006
8	Chi nhánh Công ty Tây Hồ - Bộ Quốc Phòng	Trụ, cần và đèn chiếu sáng	165	2006
B	THI CÔNG XÂY LẮP			
1	Hệ thống chiếu sáng đèn đường Huyện Định Quán – Đồng Nai	Thi công xây lắp	5.951	2005
2	Hệ thống chiếu sáng Cầu Tân Thuận 2 – Thành phố Hồ Chí Minh	Thi công xây lắp	4.628	2005
3	Hệ thống chiếu sáng và cây xanh Quốc lộ 60 đoạn cầu Cái Cá đến phà Hàm Luông Bến Tre	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	2.703	2005
4	Đường cao tốc sân bay Liên Khương – Lâm Đồng	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	29.000	2006
5	KCN Nhơn Trạch 2 – Giai đoạn 2 – Huyện Thống Nhất, Đồng Nai	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	7.800	2006
6	Khu Trung tâm Huyện Thống Nhất – Đồng Nai	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	7.400	2006
7	KCN Rạch Bắp - Công ty Cao su Dầu Tiếng – Bình Dương	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	7.200	2006
8	Khu dân cư Long Thọ – Giai đoạn 2 – Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	3.800	2006
9	Công trình Xây dựng Hệ thống chiếu sáng đường nội bộ khu nhà ở Thới An	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	2.835	2006
10	Nâng cấp Quốc lộ 56 – đoạn qua Bà Rịa – Vũng Tàu	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	2.650	2006
11	Công trình Hệ thống chiếu sáng Dự án mở rộng Quốc lộ 1A Trung Lương – Mỹ Thuận	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	2.565	2005
12	Hệ thống chiếu sáng Hàm chui Tân Tạo – Thành phố Hồ Chí Minh	Thi công xây lắp	1.993	2006

STT	Đối tác/Hạng mục	Sản phẩm cung cấp	Giá trị ước tính	Thời gian thực hiện
	Minh.			
13	Nâng cấp Hương Lộ 13 – Thành phố Hồ Chí Minh	Thi công xây lắp	1.993	2006
14	Đường vào KCN Xuân Lộc - Đồng Nai	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	1.900	2006
15	Khu dân cư Nam Long – Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	1.400	2006
16	Đường tránh Trảng Bàng – Tây Ninh	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	1.200	2006

Nguồn: LUGIACO

Các hợp đồng cung cấp vật tư và thi công xây lắp Công ty dự kiến thực hiện từ năm 2007 đến năm 2008:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đối tác/Hạng mục	Sản phẩm cung cấp	Giá trị ước tính	Thời gian thực hiện
1	KCN Xuân Lộc - Đồng Nai	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	9.200	2007
2	KCN Khánh An – Cà Mau	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	4.500	2007
3	Quốc lộ 20 đoạn qua Thị trấn Đức Trọng – Lâm Đồng	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	2.800	2007
4	Quốc lộ 20 đoạn qua Thị trấn Di Linh – Lâm Đồng	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	2.700	2007
5	Nâng cấp Quốc lộ 60 đoạn qua Châu Thành – Thị xã Bến Tre	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	2.600	2007
6	Chiếu sáng Cảng Phú Định – Quận 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	2.200	2007
7	Nội thị Thị xã Cam Ranh – Khánh Hoà	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	2.100	2007
8	Xây dựng đường cao tốc từ Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	11.000	2008
9	Xây dựng đường cao tốc từ Thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương (Mỹ Tho)	Cung cấp vật tư và thi công xây lắp	9.000	2008

Nguồn: LUGIACO

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2005 – 2006

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2005 – 2006

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh (chưa hợp nhất) của Công ty năm 2006 và kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2007:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006 (chưa hợp nhất)	Quý 2/2007	% Tăng(giảm) 2006/2005
Tổng giá trị tài sản	35.123	47.017	172.797	33,86%
Doanh thu thuần	39.458	40.443	25.855	2,50%
Giá vốn hàng bán	31.204	32.948	21.970	5,59%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	3.217	2.492	2.011	-22,54%
Lợi nhuận khác	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	3.217	2.492	2.011	-22,54%
Lợi nhuận sau thuế	2.602	2.035	1.642	-21,79%
Tỷ lệ chia cổ tức	15%	15%		

Nguồn: BCTC kiểm toán 2005, 2006 (chưa hợp nhất) và BCTC Quý 2/2007 của LUGIACO

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) của Công ty năm 2006 và kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2007:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006 (hợp nhất)	Quý 2/2007	% Tăng(giảm) 2006/2005
Tổng giá trị tài sản	35.123	45.454	172.797	29,41%
Doanh thu thuần	39.458	41.882	25.855	6,14%
Giá vốn hàng bán	31.204	34.276	21.970	9,84%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	3.217	1.560	2.011	-51,51%
Lợi nhuận khác	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	3.217	1.560	2.011	-51,51%
Lợi nhuận sau thuế	2.602	1.274	1.642	-51,04%
Tỷ lệ chia cổ tức	15%	15%		

Nguồn: BCTC kiểm toán 2005, 2006 (hợp nhất) và BCTC Quý 2/2007 của LUGIACO

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Thuận lợi:

- Trong giai đoạn Việt Nam đang tiến hành công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là sự kiện Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), các địa phương, các ngành đang tích cực đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: đường xá cầu cống, bến cảng, các khu công nghiệp, các khu đô thị mới được hình thành cũng như việc chỉnh trang đô thị để theo kịp đà phát triển kinh tế trong cả nước nói chung và khu vực phía Nam nói riêng đã tạo ra cơ hội, điều kiện thuận lợi cho việc phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban lãnh đạo Công ty đã kịp thời đưa ra những chủ trương, giải pháp để Công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả.
- Chất lượng sản phẩm ngày càng ổn định, mẫu mã trụ đèn và cần đèn phù hợp với nhu cầu khách hàng đảm bảo tính thẩm mỹ cao. Uy tín nhãn hiệu LUGIACO ngày càng khẳng định trên thị trường. Các công trình chiếu sáng công cộng do Công ty xây dựng đảm bảo thi công đúng tiến độ với chất lượng cao, được các chủ đầu tư đánh giá cao.

Khó khăn:

- Trong cơ chế thị trường và tình hình khó khăn chung của ngành cơ khí, trong năm 2006, Công ty gặp nhiều khó khăn trở ngại trong sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm mà chủ yếu là tình hình biến động giá cả sắt thép, xăng dầu, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất, chi phí gia công ngoài tăng cao làm cho mức độ cạnh tranh ngày càng lớn. Một số dự án liên quan đến xây dựng hệ thống chiếu sáng bị chững lại do yếu tố khách quan và chủ quan của chủ đầu tư.
- Đội ngũ nhân viên marketing còn yếu về nghiệp vụ. Việc tuyển dụng nhân viên chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty khó khăn. Công tác tiếp xúc của Cán bộ với các dự án lớn chưa thật sự rộng khắp các tỉnh miền Trung và miền Nam. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật hiện tại còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, mẫu mã sản phẩm đèn chiếu sáng chưa đáp ứng được nhu cầu do Công ty chỉ mạnh về sản phẩm trụ đèn, cần đèn còn sản phẩm đèn chiếu sáng phải lấy mẫu của các đối tác khác do đó không đa dạng, không kịp thời thay đổi mẫu mã để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Đồng thời đội ngũ kỹ sư theo dõi lĩnh vực sản xuất đèn còn yếu kém. Công ty phải khắc phục bằng biện pháp đầu tư máy

móc thiết bị mới, tuyển dụng, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật; đồng thời hợp tác liên doanh với nước ngoài đối với sản phẩm đèn.

- 📌 Tình hình công nợ do khách hàng chiếm dụng kéo dài làm thiếu vốn lưu động và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mặc dầu Công ty đã tích cực trong công tác thu hồi công nợ nhưng hiệu quả chưa cao.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Triển vọng phát triển của ngành

Quá trình đô thị hóa, phát triển cơ sở hạ tầng giao thông công cộng và các khu công nghiệp:

Trong những năm gần đây, cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế, quá trình đô thị hóa diễn ra với tốc độ khá nhanh, tỷ lệ đô thị hóa trong giai đoạn phát triển bình quân hàng năm đạt gần 2% và mạng lưới đô thị vẫn đang trong giai đoạn mở rộng và phát triển. Hiện nay, cả nước có trên 700 đô thị, trong đó có 02 đô thị có quy mô dân số trên 3 triệu người, 15 đô thị có quy mô dân số từ 25 vạn đến 3 triệu người, 74 đô thị có quy mô dân số từ 5 vạn đến 25 vạn người và các đô thị còn lại có quy mô dân số dưới 5 vạn người. Theo dự báo, đến năm 2010, dân số cả nước đạt 93 triệu người, và với tốc độ tăng dân số đô thị dự kiến khoảng 1,14 triệu người/năm, dân số đô thị sẽ đạt 30,4 triệu người, chiếm 32,7% dân số cả nước; đất xây dựng đô thị sẽ là 243.200 ha, chiếm 0,7% diện tích đất tự nhiên cả nước. Đến năm 2020, với tốc độ tăng dân số đô thị bình quân 1,56 triệu người/năm trong giai đoạn 2010-2020, dân số đô thị sẽ đạt 46 triệu người trong tổng dân số cả nước là 103 triệu người, chiếm tỷ lệ 45%; đất xây dựng đô thị sẽ là 460.000 ha, chiếm 1,4% diện tích đất tự nhiên của cả nước.⁴

Quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ trong những năm gần đây đã tạo tiền đề phát triển cho việc xây dựng và nâng cấp những hệ thống đường sá, giao thông công cộng, quốc lộ, đường cao tốc, khu dân cư và các khu vực công cộng như công viên, quảng trường, bến cảng.... Hạ tầng cơ sở của Việt Nam theo đánh giá còn kém phát triển so với các nước trong khu vực, gây cản trở cho việc phát triển kinh tế của đất nước. Việc phát triển hạ tầng cơ sở bao gồm đường sá, quốc lộ, đường cao tốc là một nhu cầu tất yếu, tạo tiền đề cho việc phát triển kinh tế của cả nước. Điều này tạo ra một thị trường vững chắc cho các ngành cung cấp

⁴ Chiến lược phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020.

các sản phẩm dịch vụ công cộng, trong đó lĩnh vực sản xuất và thi công xây lắp các hệ thống chiếu sáng công cộng là một phần không thể tách rời trong việc xây dựng và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng và giao thông công cộng.

Bên cạnh đó, sự phát triển của các khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX) cũng là một nhân tố tiêu thụ những sản phẩm của ngành chiếu sáng công cộng nói riêng và ngành xây dựng nói chung. Với định hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, việc xây dựng và phát triển các KCN, KCX trong những năm vừa qua đã được Nhà nước quan tâm và hỗ trợ tích cực. Số lượng các KCN, KCX được cấp phép thành lập và xây dựng ngày càng tăng nhanh. Tính đến cuối năm 2005, đã có 131 KCN, KCX được Thủ tướng Chính phủ ra quyết định thành lập phân bố khắp 47 tỉnh, thành với tổng diện tích đất tự nhiên gần 27.000 ha, trong đó đất công nghiệp có thể cho thuê đạt hơn 18.000 ha. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết đến năm 2015 sẽ tiếp tục đầu tư đồng bộ, thành lập mới có chọn lọc khoảng 23.000-26.000 ha đất KCN và đến năm 2020 sẽ hoàn thiện cơ bản mạng lưới KCN, KCX trên toàn lãnh thổ với tổng diện tích 60.000-80.000 ha.

Ngành sản xuất thiết bị đèn chiếu sáng công cộng và trụ thép đơn thân (trụ điện lực):

Cùng với sự hình thành của các khu đô thị mới, nâng cấp và xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông công cộng và các khu công nghiệp, hệ thống chiếu sáng công cộng của cả nước nói chung, của Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam nói riêng đang phát triển mạnh và là thị trường tiêu thụ sản phẩm ổn định. Qua khảo sát, nhu cầu về hệ thống chiếu sáng công cộng thời gian vừa qua và trong những năm sắp tới là khá lớn. Ước tính ở thời điểm hiện tại, nhu cầu về đèn chiếu sáng công cộng là khoảng trên 30.000 bộ đèn/năm và sẽ còn tiếp tục gia tăng theo nhịp độ phát triển của nền kinh tế.

Sản xuất trụ thép đơn thân:

Hiện nay, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (EVN) đang có kế hoạch nâng cấp hệ thống đường dây 66-110 kV bằng việc sử dụng các trụ thép đơn thân do những ưu điểm của loại trụ này. Việc sử dụng trụ thép đơn thân cho đường dây 66-110 kV có các ưu điểm hơn so các loại trụ khác như: tạo vẻ mỹ quan cho khu vực đô thị, chiếm diện tích mặt bằng nhỏ và sử dụng tại những vị trí có mặt bằng hẹp, dễ dàng vận chuyển, lực đầu trụ và chiều cao lớn hơn trụ bê tông ly tâm, giảm chi phí đền bù giải tỏa....

Theo chỉ đạo của EVN, các công ty điện lực trực thuộc EVN lập kế hoạch tổng thể phát triển lưới điện tạo mạch vòng giai đoạn 2005-2007 có xét đến năm 2010 với mục tiêu đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục, tin cậy trên cơ sở xem xét tiến độ triển khai thực tế của các công trình đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp lưới điện. Trong kế hoạch, tại địa bàn quản lý lưới điện thuộc Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh có một số tuyến đường dây 66-110kV được làm mới, cải tạo nâng cấp có sử dụng trụ thép đơn thân, chi tiết như sau:

- Cải tạo đường dây 110kV Chợ Lớn – Trường Đua (ước số trụ : 25 trụ)
- Cải tạo đường dây 110kV Trường Đua – Hoà Hưng (ước số trụ : 20 trụ)
- Cải tạo đường dây 110kV cầu Nguyễn Văn Cừ – Trường Đua (ước số trụ : 10 trụ)
- Cải tạo đường dây 110kV Trường Đua – Bà Queo (ước số trụ : 42 trụ)
- Cải tạo đường dây 110kV Xa lộ – Bến Thành (ước số trụ : 10 trụ)
- Cải tạo đường dây 110kV Hòa xa – Hòa Hưng (ước số trụ : 42 trụ)
- Cải tạo đường dây 110kV Phú Lâm – Bà Queo (ước số trụ : 60 trụ)
- Cải tạo đường dây 110kV Hóc Môn – Bà Queo (ước số trụ : 80 trụ)
- Cải tạo đường dây 110kV Cát Lái – An Khánh (ước số trụ : 10 trụ)
- Phát triển đường dây 110kV nhánh rẽ Linh Trung (ước số trụ : 5 trụ)

Tổng dự kiến theo kế hoạch thực hiện đến 2010 : 304 trụ cao thế.

Với những số liệu ước tính cho Công ty điện lực Thành phố Hồ Chí Minh như trên (chưa tính các đơn vị điện lực khác ở các tỉnh thành phía Nam do hiện Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị thí điểm) có thể thấy thị trường cung cấp trụ thép đơn thân cho ngành điện là khá lớn và có tiềm năng phát triển mạnh.

8.2 Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện nay, số lượng các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thiết bị đèn chiếu sáng công cộng có quy mô lớn không nhiều, theo ước tính chỉ khoảng vài chục công ty, số còn lại là những cơ sở sản xuất nhỏ lẻ.

LUGIACO được đánh giá là một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm chiếu sáng công cộng, có thị phần cao và sản phẩm đạt chất lượng tốt. Theo ước tính của Công ty, thị phần sản phẩm trụ và cần đèn chiếm khoảng 45% ở khu vực phía Nam và 25% trên cả nước, sản phẩm đèn chiếm khoảng 30% ở khu vực phía Nam và 14% trên cả nước.

Một số đối thủ cạnh tranh lớn của LUGIACO bao gồm:

- Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị (HAPULICO): công ty đã tham gia vào nhiều dự án ở khu vực phía Nam như Công trình hệ thống chiếu sáng đường ven biển Hạ Long – Quang Trung tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Công ty Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh: một công ty hàng đầu về lĩnh vực chiếu sáng công cộng.
- Công ty Cơ điện và Xây lắp Công nghiệp Tàu thủy.
- Công ty Valmont (Thượng Hải – Trung Quốc).
- Công ty Vietnam Schreder.

Nhu cầu về sản phẩm đèn chiếu sáng hiện nay đối với ngành chiếu sáng công cộng nói chung và đối với Công ty nói riêng là khá lớn. Quá trình đô thị hóa, phát triển các hệ thống giao thông công cộng, các khu dân cư và hình thành các khu công nghiệp diễn ra mạnh mẽ trong những năm qua và trong những năm sắp đến tạo ra sức cầu mạnh đối với sản phẩm ngành chiếu sáng công cộng. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, khả năng cạnh tranh của sản phẩm Công ty tương đương các doanh nghiệp hàng đầu trong ngành. Ngoài việc có thể cạnh tranh về mặt giá cả với các sản phẩm của các doanh nghiệp khác, sản phẩm của Công ty còn đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật, kích thước và mẫu mã đặt ra đối với nhiều công trình xây dựng khác nhau. Điều này đã được khẳng định qua việc Công ty đã trúng thầu thi công hệ thống chiếu sáng công cộng cho các công trình lớn của quốc gia như công trình đường Xuyên Á, công trình xây dựng cầu Mỹ Thuận...

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Thực trạng lao động

Tổng số lao động trong Công ty tính đến năm 2006 là 100 người⁵ với cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Phân theo đối tượng lao động	100	100%
Lao động trực tiếp	57	57%

⁵ Không tính số lao động của Công ty TNHH một thành viên Cơ khí – Điện Lữ Gia.

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Lao động gián tiếp	43	43%
Phân theo trình độ lao động	100	100%
Trình độ đại học	22	22%
Trình độ trung cấp và cao đẳng	43	43%
Trình độ sơ cấp và công nhân kỹ thuật	35	35%

Nguồn: LUGIACO

9.2 Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

Chế độ làm việc: Công ty thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ngày, 44 giờ/tuần; khối gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, khối trực tiếp sản xuất làm việc theo ca.

Chính sách lương: Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực của người lao động, Công ty trả lương theo các hình thức: lương thời gian, lương sản phẩm và lương khoán công việc. Công ty thực hiện phân phối lương theo lao động: người làm công việc nào thì được trả lương theo công việc đó. Quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.

Chính sách khen thưởng: Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của Công ty họp xét phân loại A, B, C để làm căn cứ khen thưởng cho người lao động trong dịp Tết nguyên đán, bình quân mỗi người 01 tháng lương. Bên cạnh đó, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, HĐQT Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi để chi cho người lao động nhân dịp các ngày lễ lớn như 30/4, Quốc khánh 2/9, Tết dương lịch 1/1; khen thưởng lao động tiên tiến, các cá nhân tập thể có sáng kiến làm lợi cho Công ty,

Chế độ phúc lợi: Bên cạnh các chính sách lương thưởng, Công ty cũng quan tâm đời sống tinh thần của người lao động thông qua việc phối hợp với Công đoàn để tổ chức cho người lao động được đi nghỉ mát hàng năm. Thỏa ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của Pháp luật. Các chế độ bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) được Công ty thực hiện đầy đủ cho người lao động thuộc diện bắt buộc đóng BHXH, làm nghĩa vụ đóng BHXH đầy đủ và đúng hạn cho cơ quan BHXH Thành phố Hồ Chí Minh.

Chính sách đào tạo: Công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn tay nghề cho cán bộ công nhân viên (CB-CNV) được Công ty quan tâm đúng mức. Các cán bộ, nhân viên chuyên môn nghiệp vụ được cử đi học các khóa huấn luyện ngắn hạn, dài hạn (học đại học) với kinh phí do Công ty đài thọ; tổ chức học và thi nâng bậc cho công nhân hàn tại đơn vị. Ngoài ra, các CB-CNV có nhu cầu tự học tập sẽ được Công ty hỗ trợ 50% kinh phí.

10. Chính sách cổ tức

Kết thúc niên độ tài chính HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

Năm	Tỷ lệ cổ tức
2004	15%
2005	15%
2006	15%

Nguồn: LUGIACO

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/03/2006 và các văn bản sửa đổi bổ sung.

a. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

b. Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20

Nhóm tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8
Tài sản cố định khác	4 – 25

Nguồn: LUGIACO

11.2 Thu nhập bình quân của người lao động

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Năm	2005	2006
Mức lương bình quân	2.505.000	3.104.000
Tổng thu nhập bình quân	2.560.000	3.154.000

Nguồn: LUGIACO

11.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ trong các năm qua. Hiện nay, Công ty không có khoản nợ quá hạn.

11.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Các nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước được Công ty đóng góp theo đúng quy định của pháp luật. Trong năm 2005 Công ty đã nộp ngân sách Nhà nước là 1.433.504.877 đồng. Năm 2006, Công ty đã nộp ngân sách Nhà nước 1.056.535.504 đồng

Các nghĩa vụ nợ khác như: Phải trả người bán, Phải trả công nhân viên, Phải trả phải nộp khác được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

11.5 Trích lập các quỹ

Sau khi kết thúc niên độ tài chính (31/12), Công ty tiến hành trích lập các quỹ trên cơ sở từ lợi nhuận sau thuế đạt được. Các quỹ như: quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ hoạt động của HĐQT sẽ do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập tùy theo kết quả kinh doanh trong năm sản xuất và mục tiêu phát triển của Công ty.

Đơn vị tính: Tỷ lệ % so với lợi nhuận sau thuế

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006
Quỹ dự phòng tài chính	5%	5%
Quỹ đầu tư phát triển sản xuất	5%	5%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	10%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của LUGIACO

11.6 Tổng dư nợ vay*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chi tiêu	2005	2006 (chưa hợp nhất)	Quý 2/2007
Vay và nợ ngắn hạn	1.000	4.481	100.677
Vay và nợ dài hạn	1.854	3.814	18.268
Tổng cộng	2.854	8.295	118.945

Nguồn: BCTC kiểm toán 2005, 2006 và BCTC Quý 2/2007 của LUGIACO

Tổng dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty tại thời điểm 30/06/2007 tăng cao so với thời điểm cuối năm 2006. Nguyên nhân do trong Quý 2/2007 Công ty đã vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Thành 100 tỷ đồng dưới sự bảo lãnh của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP.HCM để thanh toán tiền mua mặt bằng 70 Lữ Gia, P.15, Q.11 thực hiện dự án xây dựng Khu Chung cư – Thương mại – Dịch vụ LUGIACO. Ngoài ra, Công ty vay dài hạn SAMCO và Ngân hàng hàng Đồng bằng Sông Cửu Long 40 tỷ để tài trợ cho dự án xây dựng Nhà máy sản xuất mới tại KCN Nhơn Trạch 5 tuy nhiên mới giải ngân được 18 tỷ đồng.

11.7 Tình hình công nợ hiện nay**Các khoản phải thu***Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006 (chưa hợp nhất)	Năm 2006 (hợp nhất)	Quý 2/2007
Phải thu ngắn hạn	4.579	7.055	5.207	10.199
Phải thu của khách hàng	3.433	4.801	4.409	2.007
Trả trước người bán	1.208	703	758	7.915
Phải thu nội bộ	-	1.511	-	-
Các khoản phải thu khác	163	230	230	467
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(225)	(190)	(190)	(190)
Phải thu dài hạn	354	3.271	271	3.271
Phải thu dài hạn của khách hàng	271	271	271	271
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	-	3.000	-	3.000
Phải thu dài hạn khác	83	-	-	-
Tổng cộng	4.933	10.326	5.478	13.470

Nguồn: BCTC kiểm toán 2005, 2006 và BCTC Quý 2/2007 của LUGIACO

Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006 (chưa hợp nhất)	Năm 2006 (hợp nhất)	Quý 2/2007
Phải trả ngắn hạn	15.662	25.471	25.215	119.475
Vay và nợ ngắn hạn	1.000	4.481	4.481	100.677
Phải trả cho người bán	3.504	5.767	5.354	2.414
Người mua trả tiền trước	8.758	11.967	12.176	14.324
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	623	435	265	435
Phải trả công nhân viên	-	394	502	160
Chi phí phải trả	-	194	194	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.777	2.233	2.243	1.463
Phải trả dài hạn	2.306	3.814	3.814	18.268
Vay và nợ dài hạn	1.854	3.814	3.814	18.268
Phải trả dài hạn khác	452	-	-	-
Tổng cộng	18.420	29.285	29.029	137.744

Nguồn: BCTC kiểm toán 2005, 2006 và BCTC Quý 2/2007 của LUGIACO

11.8 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	2005	2006 (chưa hợp nhất)	2006 (hợp nhất)	Quý 2/2007
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,63	1,22	1,27	0,29
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,54	0,42	0,39	0,11
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn	Lần	0,51	0,62	0,64	0,80
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,06	1,68	1,76	3,93
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	1,79	1,75	1,61	0,99
Vòng quay tổng tài sản (DT thuần/Tổng tài sản)	Lần	1,12	0,86	0,92	0,15

Chỉ tiêu	Đơn vị	2005	2006 (chưa hợp nhất)	2006 (hợp nhất)	Quý 2/2007
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/DT thuần	%	6,6	5,0	3,0	6,4
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	15,4	11,7	7,7	4,7
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,4	4,3	2,8	1,0
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần	%	8,2	6,2	3,7	7,8
Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần					
Thu nhập trên mỗi cổ phần (Lợi nhuận sau thuế/Số cổ phiếu lưu hành)	Đồng/ cổ phần	2.602	2.035	1.274	1.642
Giá trị sổ sách của một cổ phần (Vốn chủ sở hữu/Số cổ phiếu lưu hành)	Đồng/ cổ phần	16.901	17.432	16.541	35.074

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng quản trị

Danh sách HĐQT:

- > Ông Nguyễn Hồng Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- > Ông Cao Tấn Khương – Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị
- > Ông Lâm Văn Tăng – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- > Ông Lê Quốc Bình – Thành viên Hội đồng quản trị.
- > Ông Cao Lương Ngọc – Thành viên Hội đồng quản trị

12.1.1 Ông Nguyễn Hồng Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- > Họ và tên : Nguyễn Hồng Anh
- > Giới tính : Nam
- > CMND : 020597824
- > Ngày tháng năm sinh : 28/03/1961
- > Nơi sinh : Xã Vũ Lăng, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình
- > Quốc tịch : Việt Nam
- > Dân tộc : Kinh
- > Quê quán : Sài Gòn

- Địa chỉ thường trú : 129 Đinh Bộ Lĩnh, P.25, Q.Bình Thạnh, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08. 920 0408
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí Nông nghiệp
Cử nhân Chính trị
- Quá trình công tác:
 - ◆ 04/1984 – 07/1985 : Công tác tại Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
 - ◆ 08/1985 – 02/1988 : Đi nghĩa vụ quân sự
 - ◆ 03/1988 – 11/1993 : Công tác tại Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
 - ◆ 12/1993 – 08/1996 : Phó quản đốc Phân xưởng sửa chữa Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
 - ◆ 09/1996 – 06/1999 : Quản đốc Phân xưởng Samco 3 Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
 - ◆ 07/1999 – 07/2004 : Phó Giám đốc Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
 - ◆ 08/2004 – nay : Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Giao Thông Vận tải Sài Gòn
 - ◆ 2005 – 07/2007 : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
 - ◆ 07/2007 – nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 150.000 cổ phần, trong đó :
 - ◆ Cá nhân : không
 - ◆ Ủy quyền : 150.000 cổ phần
(do Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn cử làm đại diện vốn Nhà Nước)
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

12.1.2 Ông Cao Tấn Khương – Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị

- Họ và tên : Cao Tấn Khương
- Giới tính : Nam
- CMND : 020148978
- Ngày tháng năm sinh : 03/10/1941
- Nơi sinh : Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển, Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú : 699 Lê Hồng Phong, P.10, Q.10, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08.865 5918
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- Quá trình công tác:
 - ◆ 07/1953 – 11/1954 : Tham gia Cách mạng – đơn vị Bộ Tư Lệnh Miền Tây Nam Bộ
 - ◆ 11/1954 – 08/1960 : Đi tập kết ở Miền Bắc – Học sinh Miền Nam
 - ◆ 08/1960 – 08/1964 : Giáo viên Trung cấp kỹ thuật Vinh – Nghệ An
 - ◆ 08/1964 – 03/1969 : Sinh viên Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
 - ◆ 03/1969 – 06/1972 : Tập trung tại Bắc Giang và đi thực tập tại Liên Xô – Làm trưởng đoàn – Bí Thư Chi Bộ
 - ◆ 06/1972 – 06/1974 : Cán bộ kỹ thuật Công ty Gang thép Thái Nguyên
 - ◆ 06/1974 – 05/1975 : Cán bộ kỹ thuật Bộ Cơ khí luyện kim ở Hà Nội
 - ◆ 05/1975 – 06/1977 : Vào tiếp quản – Cán bộ Trung tâm Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Khu vực III
 - ◆ 06/1977 – 03/1983 : Phó Xưởng Cơ khí Lữ Gia
 - ◆ 04/1983 – 02/2000 : Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí Lữ Gia và Công ty Cơ khí Lữ Gia
 - ◆ 03/2000 – 03/2004 : Chủ tịch HĐQT – Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
 - ◆ 04/2004 – 07/2007 : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
 - ◆ 07/2007 – nay : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia

➤ Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia

➤ Số cổ phần nắm giữ & được uỷ quyền: 29.050 cổ phần, trong đó:

◆ Cá nhân : 29.050 cổ phần

◆ Uỷ quyền : không

➤ Số cổ phần của những người có liên quan:

◆ Con Cao Lương Ngọc nắm giữ 26.330 cổ phần.

◆ Con Cao Thị Hồng Hạnh nắm giữ 3.250 cổ phần.

➤ Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

12.1.3 Ông Lâm Văn Tăng – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

➤ Họ và tên : Lâm Văn Tăng

- Giới tính : Nam
- CMND : 021966330
- Ngày tháng năm sinh : 19/06/1959
- Nơi sinh : Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP.HCM
- Địa chỉ thường trú : 172A/18/22 Lạc Long Quân, P.10, Q.11, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08.963 4660
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Bách khoa năm 4 Khoa Cơ khí
- Quá trình công tác:
 - ◆ 1977 – 1982 : Thượng sỹ, Trung đội phó D40 – F477
 - ◆ 1984 – 1993 : Phó Quản đốc Xí nghiệp Xây sát Cửu Long II
 - ◆ 1994 – 1999 : Kinh doanh vật liệu xây dựng
 - ◆ 2000 – nay : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia, Giám đốc DNTN Vận tải Thương mại Hòa Bình
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 25.500 cổ phần, trong đó :
 - ◆ Cá nhân : 25.500 cổ phần
 - ◆ Ủy quyền : không
- Số cổ phần của những người có liên quan: không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

12.1.4 Ông Lê Quốc Bình – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : Lê Quốc Bình
- Giới tính : Nam
- CMND : 023833426
- Ngày tháng năm sinh : 25/02/1972
- Nơi sinh : Đà Nẵng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú : 45 Trần Phú, Q.5, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08. 914 1904

- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán
Bằng Kế toán trưởng do Bộ Tài chính cấp
- Quá trình công tác:
 - ◆ 1993 – 1997 : Cán bộ Phòng Kế toán Tổng Công ty Du lịch Thành phố
 - ◆ 1997 – 2001 : Chuyên viên Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP. HCM
 - ◆ 2001 - nay : Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM
 - ◆ 2000 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Thành viên Hội Đồng Quản Trị
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 280.000 cổ phần, trong đó :
 - ◆ Cá nhân : không
 - ◆ Ủy quyền : 280.000 cổ phần
(do Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền)
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

12.1.5 Ông Cao Lương Ngọc – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : Cao Lương Ngọc
- Giới tính : Nam
- CMND : 022645386
- Ngày tháng năm sinh : 13/10/1963
- Nơi sinh : Quảng Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển, Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú : 56B/66 Lạc Long Quân, P.3, Q.11, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08. 865 0167
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế – Ngành Quản trị kinh doanh
Chứng chỉ Giám đốc điều hành do Viện NC – KT – PT (ĐHKT TP. HCM) cấp
- Quá trình công tác:
 - ◆ 1980 – 1981 : Công nhân Xí nghiệp Cơ khí Lữ Gia
 - ◆ 1981 – 1987 : Đi hợp tác lao động tại Cộng Hòa nhân dân Bungari

- ◆ 1987 – 1997 : Công nhân Công ty Cơ khí Lữ Gia
 - ◆ 1997 – 3/2000 : Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty Cơ khí Lữ Gia
 - ◆ 4/2000 – 3/2002 : Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia
 - ◆ 4/2002 – 3/2004 : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
 - ◆ 4/2004 – 07/2007 : Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
 - ◆ 2000 – nay : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
 - ◆ 07/2007 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc Công ty.
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 26.330 cổ phần, trong đó :
- ◆ Cá nhân : 26.330 cổ phần
 - ◆ Ủy quyền : không
- Số cổ phần của những người có liên quan:
- ◆ Cha Cao Tấn Khương nắm giữ 29.050 cổ phần
 - ◆ Vợ Lê Thị Bích Khuê nắm giữ 2.700 cổ phần
 - ◆ Em Cao Thị Hồng Hạnh nắm giữ 3.250 cổ phần
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

12.2 Ban kiểm soát

Danh sách ban kiểm soát:

- Ông Nguyễn Anh Tuấn – Trưởng Ban kiểm soát.
- Ông Trần Ngọc Tiến – Thành viên Ban kiểm soát.
- Bà Lê Thị Vân – Thành viên Ban kiểm soát

12.2.1 Ông Nguyễn Anh Tuấn – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên : Nguyễn Anh Tuấn
- Giới tính : Nam
- CMND : 023450083
- Ngày tháng năm sinh : 01/05/1957
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Huyện Thường Tín - Tỉnh Hà Tây.

- Địa chỉ thường trú : 97/1094 G Dương Quảng Hàm, P.17, Q.Gò Vấp, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08.410 0919
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chế tạo máy
Cử nhân luật
- Quá trình công tác:
 - ◆ 1974– 1977 : Bộ đội công tác tại E264, F363, PKKQ
 - ◆ 1977 – 1982 : Sinh viên Đại học Bách Khoa Hà Nội
 - ◆ 1982 – 1987 : Kỹ sư Nhà máy ô tô Ngô Gia Tự
 - ◆ 1987 – 1989 : Phiên dịch tiếng Anh cho Đoàn lao động Việt Nam tại Iraq
 - ◆ 1990 – 1995 : Kỹ sư Nhà máy ô tô Ngô Gia Tự
 - ◆ 1995 – 2004 : Trưởng phòng Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận – Bộ GTVT
 - ◆ 2004 – nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Trưởng ban Kiểm soát.
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 2.590 cổ phần, trong đó :
 - ◆ Cá nhân : 2.590 cổ phần
 - ◆ Ủy quyền : không
- Số cổ phần của những người có liên quan:
 - ◆ Mẹ Lê Thị Thi nắm giữ 100 cổ phần
 - ◆ Vợ Dương Thị Kim Loan nắm giữ 100 cổ phần
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

12.2.2 Ông Trần Ngọc Tiến – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : Trần Ngọc Tiến
- Giới tính : Nam
- CMND : 022317578
- Ngày tháng năm sinh : 03/06/1971
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : 95/32 Bắc Hải, P.15, Q.10, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08.864 1790
- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Ngành Quản trị Kinh doanh
Cử nhân ngoại ngữ (Ngữ văn Anh)
- Quá trình công tác:
 - ◆ 1995 – 2000 : Chuyên viên Cục Quản lý vốn và TSNN tại DN
 - ◆ 2000 – 2004 : Chuyên viên - Chi cục Tài chính Doanh Nghiệp.
 - ◆ 2004 – nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Thành viên ban Kiểm soát.
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 4.500 cổ phần, trong đó :
 - ◆ Cá nhân : 4.500 cổ phần
 - ◆ Ủy quyền : không
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

12.2.3 Bà Lê Thị Vân – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : Lê Thị Vân
- Giới tính : Nữ
- CMND : 020745226
- Ngày tháng năm sinh : 07/04/1957
- Nơi sinh : Đà Lạt
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú : 41B Khu biệt thự Chu Văn An, P.26, Q.Bình Thạnh, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08.821 2786
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:
 - ◆ 1980 – 1990 : Nhân viên Kế toán Công ty Thủy sản Xuất khẩu TP
 - ◆ 1991 – 2000 : Kế toán trưởng Khách sạn Bông Hồng thuộc LLTNXP
 - ◆ 2001 – nay : Kiểm soát viên Quỹ Đầu tư phát triển đô thị TP. HCM
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Thành viên Ban kiểm soát.
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 14.670 cổ phần, trong đó :
 - ◆ Cá nhân : 14.670 cổ phần

- ◆ Ủy quyền : không
- Số cổ phần của những người có liên quan:
 - ◆ Chị Lê Thị Mỹ nắm giữ 1.000 cổ phần.
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

12.3 Ban Giám đốc

Danh sách Ban Giám đốc:

- Ông Cao Tấn Khương – Giám đốc điều hành (Sơ yếu lý lịch được trình bày ở phần 12.1.2).
- Ông Cao Lương Ngọc – Phó Giám đốc (Sơ yếu lý lịch được trình bày ở phần 12.1.5).
- Ông Đinh Phú Ái Nhân – Phó Giám đốc.
- Ông Nguyễn Duy Hùng – Phó Giám đốc.

12.3.1 Ông Đinh Phú Ái Nhân – Phó Giám đốc

- Họ và tên : Đinh Phú Ái Nhân
- Giới tính : Nam
- CMND : 020710019
- Ngày tháng năm sinh : 19/12/1962
- Nơi sinh : TP. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : TP. HCM
- Địa chỉ thường trú : 35/2 Âu Cơ, P.9, Q.Tân Bình, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08.866 5542
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Công nhân kỹ thuật
- Quá trình công tác:
 - ◆ 1981 – 1988 : Công nhân kỹ thuật Nhà máy Chế tạo Thiết bị điện 4
 - ◆ 1988 – 2000 : Phó phòng Kinh doanh Công ty Cơ khí Lữ Gia
 - ◆ 2000 – nay : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Phó Giám đốc
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 56.060 cổ phần , trong đó :
 - ◆ Cá nhân : 6.060 cổ phần
 - ◆ Ủy quyền : 50.000 cổ phần

(do Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận Tải Sài Gòn cử làm đại diện vốn Nhà nước)

- Số cổ phần của những người có liên quan:
 - ◆ Vợ Nguyễn Thị Mỹ Trang nắm giữ 10.500 cổ phần.
 - ◆ Con Đinh Nguyễn Ngọc Linh nắm giữ 5.000 cổ phần.
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

12.3.2 Ông Nguyễn Duy Hùng – Phó Giám đốc

- Họ và tên : Nguyễn Duy Hùng
- Giới tính : Nam
- CMND : 270877267
- Ngày tháng năm sinh : 02/12/1969
- Nơi sinh : Long Khánh – Đồng Nai
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : Y 100, P.Xuân Bình, TX.Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại liên lạc : 08. 866 3575
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện công nghiệp
- Quá trình công tác:
 - ◆ 1990 – 1998 : Nhân viên phòng kỹ thuật, Điện lực Long Khánh, Công ty Điện Lực Đồng Nai
 - ◆ 1998 – 2003 : Phó trưởng phòng kỹ thuật, Điện lực Long Khánh, Công ty Điện lực Đồng Nai
 - ◆ 2003 – 2004 : Đội trưởng Đội thi công Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
 - ◆ 2004 – nay : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Phó Giám đốc Công Ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cơ khí – Điện Lữ Gia
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 13.600 cổ phần, trong đó :
 - ◆ Cá nhân : 13.600 cổ phần
 - ◆ Ủy quyền : không
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

12.4 Kế toán trưởng**Ông Nguyễn Văn Thông – Kế toán trưởng**

- Họ và tên : Nguyễn Văn Thông
- Giới tính : Nam
- CMND : 311374808
- Ngày tháng năm sinh : 24/05/1974
- Nơi sinh : Tiền Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Song Thuận, Châu Thành, Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : 769/192 Phạm Thế Hiển, P.4, Q.8, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08.864 1790
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán
Bằng Kế toán trưởng do Bộ Tài chính cấp
Bằng Giám đốc Tài chính do Trường ĐH Kinh tế TP.HCM cấp
- Quá trình công tác:
 - ◆ 1995 – 2000 : Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Vật tư Seaprodex (Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam)
 - ◆ 2000 – 2005 : Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty xe đạp xe máy Sài Gòn (Sở Công nghiệp)
 - ◆ 2005 – nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Kế toán trưởng
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 1.000 cổ phần, trong đó:
 - ◆ Cá nhân : 1.000 cổ phần
 - ◆ Ủy quyền : 0 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

13. Tài sản

TSCĐ hữu hình: Giá trị tài sản hữu hình của Công ty tại thời điểm 30/06/2007 như sau:

Hạng mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Đơn vị tính: đồng
			Tỷ lệ còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.336.607.947	2.712.657.171	42,80%

Máy móc thiết bị	2.316.482.959	271.668.232	11,73%
Phương tiện vận tải	1.302.313.182	786.692.034	60,41%
Dụng cụ, TB quản lý	440.573.890	73.041.700	16,58%
Tổng cộng	10.395.977.978	3.844.059.137	36,97%

Nguồn: LUGIACO

TSCĐ vô hình: Giá trị tài sản vô hình của Công ty tính đến thời điểm 30/06/2007 là đất thuê ở KCN Tân Bình, chi tiết như sau:

<i>Đơn vị tính: đồng</i>			
Hạng mục	Nguyên giá	GT còn lại	Tỷ lệ còn lại
Đất thuê KCN Tân Bình	3.830.842.264	3.048.384.306	80%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán LUGIACO

Danh sách bất động sản của Công ty:

Khoản mục	Khu văn phòng Công ty	Nhà máy KCN Tân Bình	Nhà xưởng quận 6
Địa chỉ	70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM	Lô III 16 Đường số 13, KCN Tân Bình, 15, Quận Tân Bình, TP.HCM	345-347 An Dương Vương, Quận 6, TP.HCM
Diện tích	5.584 m ²	6.042 m ²	3.063 m ²
Thời hạn sử dụng	08/03/2000 – 01/01/2046	22/02/2001 – 17/06/2047	08/03/2000 – 01/01/2046
Đơn giá thuê	12.500 đồng/m ² /năm	629.964 đồng/m ² /46 năm	10.000 đồng/m ² /năm
Số tiền phải trả	69.800.000 đồng/năm	3.996.554.612 đồng/46 năm	30.630.000 đồng/năm
Phí duy tu hằng năm	-	48.417.567 đồng/năm	-
Ghi chú	Thuê lại của Công ty Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ & Đầu Tư Tân Bình, trả tiền một lần		

Nguồn: LUGIACO

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn tới là vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống một cách ổn định đồng thời triển khai việc đầu tư hai dự án mới đó là Dự án đầu tư xây dựng nhà máy tại KCN Nhơn Trạch, Đồng Nai và Dự án xây dựng Khu Chung cư – Văn phòng – Thương mại tại số 70 Lữ Gia, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty trong các năm tiếp theo được xây dựng dựa trên một số điều kiện như sau:

- Thị trường kinh doanh mặt hàng truyền thống của Công ty trong 03 năm tới không có biến động bất thường.
- Công ty hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ như dự kiến.
- Công ty triển khai thành công hai dự án mới theo như kế hoạch đã đề ra.

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	% tăng (giảm)
Vốn điều lệ	30.000	60.000	100,00%
Doanh thu thuần	74.000	125.670	69,82%
Trong đó:			
+ Doanh thu sản xuất	25.000	27.776	11,10%
+ Doanh thu xây lắp	15.000	16.000	6,67%
+ Doanh thu khác	-	10.000 ⁶	
+ Doanh thu từ dự án chung cư	34.000	71.894	111,45%
Lợi nhuận sau thuế	4.900	23.102	371,47%
Trong đó:			
+ Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh	2.500	5.359	114,36%
+ Lợi nhuận từ dự án chung cư	2.400	17.743	639,29%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,62%	18,40%	
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	16,33%	38,50%	
Cổ tức	12%	15%	

Ghi chú:

- 🚧 Kể từ năm 2007, ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống, Công ty dự kiến sẽ có được doanh thu và lợi nhuận từ Dự án xây dựng Khu chung cư 70 Lữ Gia.
- 🚧 Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh ở bảng trên là tổng lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản xuất, xây lắp (kể cả Công ty TNHH 1 Thành viên Cơ khí – Điện Lữ Gia) và bao gồm cả thu nhập hoạt động tài chính, thu nhập bất thường nhưng không bao gồm lợi nhuận từ Dự án xây dựng chung cư.

⁶ Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở KCN Tân Bình

🚩 Năm 2008, lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty biến động bất thường. Nguyên nhân là do trong năm 2008, Công ty dự kiến bán lại quyền sử dụng đất ở Khu công nghiệp Tân Bình và được khoảng 10 tỷ đồng doanh thu sau khi đã chuyển toàn bộ hoạt động sản xuất về Nhà máy mới ở Khu công nghiệp Nhơn Trạch.

15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á đã thu thập các thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động và đầu tư, DAS có một số đánh giá sau về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Đối với dự án xây dựng Nhà máy mới tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch: Công ty đã có được một hệ thống khách hàng quen thuộc và xây dựng được uy tín thương hiệu trong thị trường cung cấp sản phẩm và thi công xây lắp hệ thống chiếu sáng công cộng khu vực phía Nam. Với việc xây dựng nhà máy mới với dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại, Công ty sẽ gia tăng được công suất sản xuất với chất lượng tốt hơn đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ tiết kiệm được chi phí vận chuyển sản phẩm đi gia công ngoài (công đoạn nhúng kẽm). Dự án này đã được khởi công xây dựng vào tháng 5 năm 2007.

Đối với dự án xây dựng Khu Chung cư – Thương mại – Văn phòng tại 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11: Đây là một dự án quy mô lớn của Công ty với tổng vốn đầu tư lên tới 357 tỷ đồng. Hiện tại, Công ty đang tiến hành thu xếp vốn cho dự án này, hoàn tất khâu thiết kế kỹ thuật thi công, đấu thầu công khai chọn thầu xây dựng công trình và dự kiến sẽ khởi công vào Quý III năm 2007. Các chuyên gia trong lĩnh vực bất động sản đều cho rằng thị trường bất động sản đang có chuyển biến rõ nét trong đó có sự chuyển dịch đầu tư vào thị trường căn hộ chung cư. Điều này cho thấy định hướng đầu tư của LUGIACO là đúng đắn, khai thác được lợi thế hiện có (văn phòng Công ty đặt tại 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11 với tổng diện tích 5.584 m² được thuê trong thời hạn 46 năm).

Với các đánh giá trên, DAS nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của LUGIACO dự kiến trong giai đoạn 2007 – 2009 là có thể đạt được nếu không chịu những ảnh hưởng của các sự kiện bất khả kháng.

Chúng tôi lưu ý rằng nhận xét trên của chúng tôi chỉ có tính chất tham khảo cho các nhà đầu tư. Chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

16. Đánh giá Công ty theo mô hình SWOT (Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức)

Điểm mạnh:

- + Thương hiệu LUGIACO là một trong những thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực sản xuất các thiết bị chiếu sáng công cộng, được nhiều khách hàng trong ngành biết đến.
- + Chất lượng sản phẩm tốt, mẫu mã kiểu dáng phong phú, đáp ứng được nhu cầu thị hiếu của khách hàng.
- + Công ty đã áp dụng Hệ thống Quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000, giúp cho các công việc từ lập kế hoạch đến tiến hành sản xuất được kiểm soát chặt chẽ, hạn chế những sai sót tiêu hao trong quá trình sản xuất.
- + Đội ngũ cán bộ nhân sự có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, xây lắp các hệ thống chiếu sáng công cộng.

Điểm yếu:

- + Hệ thống máy móc thiết bị hiện tại đã qua thời gian sử dụng dài, cần được đầu tư nâng cấp và trang bị mới để Công ty có thể tiếp tục duy trì sự cạnh tranh và phát triển trên thị trường.
- + Quy mô Công ty nhỏ, nguồn vốn tự có hạn chế, không đủ sức tài trợ cho những dự án xây dựng lớn.

Cơ hội:

- + Kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển, việc xây dựng cơ sở hạ tầng (đường sá, đô thị, khu công nghiệp...) được chú trọng đầu tư là cơ hội cho ngành sản xuất xây lắp hệ thống chiếu sáng công cộng tiếp tục tăng trưởng.
- + Thị trường trụ thép đơn thân cung cấp cho ngành điện sẽ phát triển mạnh trong vài năm tới với sự chỉ đạo của EVN trong việc lập kế hoạch tổng thể phát triển lưới điện.

- + Việc đầu tư xây dựng nhà máy mới ở KCN Nhơn Trạch với trang thiết bị máy móc mới sẽ tăng công suất sản xuất, sản xuất được sản phẩm mới (trụ thép đơn thân), nâng cao chất lượng và mẫu mã sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường.
- + Nhu cầu về nhà ở và cao ốc văn phòng tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đang tăng trưởng mạnh và sẽ là nhân tố góp phần vào thành công của dự án xây dựng khu văn phòng chung cư 70 Lữ Gia, mang lại nguồn thu nhập cao cho Công ty trong các năm tới.
- + Có 02 cổ đông lớn là Samco và CII hỗ trợ về tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thách thức:

- + Áp lực cạnh tranh từ sản phẩm của các đơn vị sản xuất trong nước và các công ty nước ngoài là rất lớn và sẽ có xu hướng gia tăng khi Việt Nam chính thức gia nhập WTO trong thời gian sắp tới.
- + Nguyên liệu thép có xu hướng biến động mạnh trong những năm gần đây và có thể tiếp tục biến động trong những năm sắp tới sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi thép là một nguồn nguyên liệu đầu vào chính của Công ty.
- + Các dự án đầu tư cần nguồn vốn lớn trong khi quy mô hiện tại của doanh nghiệp còn nhỏ.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN**1. Loại cổ phiếu**

Tất cả cổ phiếu phát hành là cổ phiếu phổ thông

Mã chứng khoán: LGC

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu thống nhất là 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phiếu chào bán là 2.000.000 cổ phiếu.

4. Giá chào bán dự kiến

Phát hành 1.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

➤ Giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Phát hành 1.000.000 cổ phiếu cho đối tác chiến lược và cổ đông hiện hữu

➤ Giá chào bán là 32.000 đồng/cổ phiếu.

5. Phương pháp tính giá

Tham chiếu giá thị trường.

6. Phương thức phân phối

Kế hoạch phân phối cụ thể như sau:

- + Phát hành 1.000.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1 với giá bằng mệnh giá (nghĩa là căn cứ vào ngày phân bổ quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được nhận 01 quyền mua; cứ 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới với giá 10.000 đồng/cổ phiếu). Quyền mua cổ phiếu sẽ được phân bổ theo danh sách tổng hợp và phân bổ quyền của người sở hữu chứng khoán do Trung tâm lưu ký (TTLK) cung cấp.
- + Phát hành 1.000.000 cổ phiếu cho đối tác chiến lược và cổ đông hiện hữu, trong đó:
 - Phát hành 500.000 cổ phiếu cho đối tác chiến lược với giá 32.000 đồng/cổ phiếu. Đối tác chiến lược phải cam kết hạn chế chuyển nhượng 50% số cổ phiếu nắm giữ ít nhất trong vòng 6 tháng.

- Phát hành 500.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1 với giá 32.000 đồng/cổ phiếu (nghĩa là căn cứ vào ngày phân bổ quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được nhận 01 quyền mua; cứ 02 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới với giá 32.000 đồng/cổ phiếu). Quyền mua cổ phiếu sẽ được phân bổ theo danh sách tổng hợp và phân bổ quyền của người sở hữu chứng khoán do TTLK cung cấp.
- + Số cổ phiếu không được cổ đông theo phương thức thực hiện quyền mua đặt mua hết (nếu có) và số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn đến hàng đơn vị sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp với giá không thuận lợi hơn so với giá phát hành cho cổ đông hiện tại.
- + Các cổ đông có tên trong danh sách người sở hữu chứng khoán vào ngày đăng ký cuối cùng sẽ được cùng lúc 2 quyền mua: quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1 với giá 10.000 đồng/cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1 với giá 32.000 đồng/cổ phiếu.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán, LUGIACO phối hợp với TTLK và các Thành viên lưu ký (TVLK) tiến hành phân bổ cổ phiếu cho cổ đông.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Sau 25 ngày kể từ ngày được cấp phép chào bán chứng khoán, các cổ đông có tên trong danh sách vào ngày chốt danh sách cổ đông tiến hành đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm hoặc chuyển nhượng quyền mua theo thời gian đã công bố.

Mỗi cổ đông hiện hữu được quyền mua thêm một số lượng cổ phiếu bằng với số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông với giá bằng mệnh giá 10.000 đ và được quyền mua thêm cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1 với giá 32.000 đồng/cổ phiếu.

Các đối tác chiến lược do LUGIACO chọn lựa tiến hành đăng ký mua cổ phiếu với số lượng theo thỏa thuận giữa 2 bên.

Cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền mua tại các TVLK. Các cổ đông chưa lưu ký đến đăng ký trực tiếp tại LUGIACO.

Sau khi LUGIACO tiến hành các thủ tục phân phối cổ phiếu và đăng ký niêm yết bổ sung, các cổ phiếu mới phát hành có quyền lợi và nghĩa vụ như cổ phiếu cũ. Tuy nhiên, 50%

số cổ phiếu phát hành cho đối tác chiến lược sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng.

9. Phương thức thực hiện quyền

Cổ phiếu phát hành trước hết sẽ được phân phối cho các cổ đông theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phần. Quyền mua cổ phần sẽ được phân phối theo Danh sách tổng hợp và phân bổ quyền của người sở hữu chứng khoán do TTLK cung cấp.

Mỗi cổ đông có tên trong danh sách vào ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được quyền mua thêm cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1 với giá bằng mệnh giá và quyền mua thêm cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1 với giá 32.000 đồng/cổ phiếu.

Số cổ phiếu không được cổ đông theo phương thức thực hiện quyền mua đặt mua hết (nếu có) và số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn đến hàng đơn vị sẽ được Hội đồng Quản trị phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá bán của các cổ đông hiện tại.

Nguyên tắc chuyển nhượng quyền mua thêm cổ phần: người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua chứng khoán của mình cho người khác theo giá thỏa thuận giữa hai bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ ba).

Nếu quá 23 ngày làm việc kể từ ngày quyền mua cổ phần có hiệu lực mà cổ đông đó không thực hiện quyền mua của mình thì sẽ bị mất quyền mua cổ phần mới mà không nhận được bất cứ sự đền bù nào của Công ty.

Các bước tiến hành như sau:

Bước 1: Xác định danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu

- + LUGIACO sẽ xác định ngày chốt danh sách cổ đông và phối hợp với TTLK để xác định Danh sách cổ đông có quyền mua thêm cổ phiếu mới.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cổ phiếu

- + LUGIACO phối hợp TTLK phân bổ và thông báo quyền ưu tiên mua cổ phiếu cho các cổ đông thông qua các thành viên lưu ký. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, LUGIACO có trách nhiệm thông báo và phân bổ quyền trực tiếp đến từng cổ đông.
- + Các cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại các thành viên lưu ký đó.

- + Khi đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phiếu theo mức giá quy định tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản. TVLK sẽ chuyển toàn bộ tiền mua cổ phần vào tiền gửi đăng ký mua chứng khoán trong vòng 25 ngày làm việc kể từ ngày TTLK phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.
- + Trong thời hạn 25 ngày làm việc để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu, việc chuyển nhượng quyền kết thúc trước 2 ngày làm việc so với hạn cuối cùng đăng ký thực hiện quyền. Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và thực hiện tại thành viên lưu ký với thủ tục cụ thể như sau:
 - Việc đăng ký chuyển nhượng quyền mua chứng khoán được thực hiện tại các thành viên lưu ký của bên chuyển nhượng quyền.
 - Thành viên lưu ký của bên chuyển nhượng quyền kiểm tra việc sở hữu quyền của người chuyển nhượng quyền và xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu.
 - Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng thuộc cùng một thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký sẽ xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho bên nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua cổ phần mới phát hành thêm.
 - Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng khác thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký bên chuyển nhượng lập và gửi TTLK yêu cầu chuyển nhượng quyền mua chứng khoán. Sau khi TTLK xác nhận việc nhận chuyển nhượng (trong vòng 1 ngày làm việc) và gửi cho các thành viên lưu ký có liên quan, căn cứ vào thông báo của TTLK, thành viên lưu ký bên nhận chuyển nhượng gửi Xác nhận quyền mua chứng khoán cho cổ đông nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua chứng khoán mới phát hành thêm.
 - Các cổ đông chưa lưu ký hoặc việc chuyển nhượng quyền mua sang cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại LUGIACO.

Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền

- + Kết thúc thời gian đăng ký thực hiện quyền ưu tiên mua trước cổ phần, TVLK lập Báo cáo tình hình thực hiện quyền ưu tiên mua trước cổ phần, Báo cáo tình hình thực hiện

quyền mua chứng khoán tại TVLK và Danh sách cổ đông thực hiện quyền (mua chứng khoán phát hành thêm) sau 1 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện quyền.

- + Đồng thời TVLK chuyển ngay tiền thanh toán mua chứng khoán của nhà đầu tư vào tài khoản tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của TTLK tại Ngân hàng chỉ định để TTLK chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa.

Bước 4: Phân phối chứng khoán

- + Vào ngày phát hành, TTLK gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các TVLK.
- + TVLK hạch toán số chứng khoán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa niêm yết. Khi cổ phiếu được thông báo chính thức niêm yết trên TTGDCK TP.HCM, thành viên lưu ký sẽ hạch toán số chứng khoán chào bán thêm vào tài khoản lưu ký của người đầu tư.
- + Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại LUGIACO.

Bước 5: Tổng kết phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung

- + Kết thúc việc phân phối cổ phiếu: LUGIACO sẽ gửi Báo cáo phát hành cho UBCKNN và TTLK. Sau khi nhận được chấp thuận niêm yết, LUGIACO sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký và thực hiện niêm yết bổ sung cổ phiếu mới phát hành.

Lịch trình dự kiến thực hiện phân phối cổ phiếu

TT	Công việc	Thời gian	Thực hiện
1	Nhận giấy phép chào bán cổ phiếu	T	LUGIACO, DAS
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông cho TTLK	T + 2	LUGIACO, DAS
3	Công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	T + 3	LUGIACO, DAS
4	Chốt danh sách cổ đông	T + 12	TTLK
5	TTLK gửi danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu cho các TVLK	T + 18	TTLK
6	Cổ đông hiện hữu chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	T + 25-> T+48	TTLK - TVLK

TT	Công việc	Thời gian	Thực hiện
7	Cổ đông hiện hữu đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	T + 25-> T+50	TVLK
8	Đối tác chiến lược đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	T +25-> T+50	LUGIACO
9	TVLK tổng hợp danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu và chuyển về cho TTLK	T +52	TVLK
10	TTLK gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa	T + 54	TTLK
11	Thực hiện phân bổ số cổ phiếu của cổ đông theo phương thức thực hiện quyền không đặt mua hết và số cổ phiếu lẻ phát sinh cho các đối tượng khác (nếu có)	T + 55 -> T+60	LUGIACO
12	Báo cáo phát hành cho UBCKNN và TTGDCK	T + 65	LUGIACO, DAS
13	Thực hiện niêm yết bổ sung	T + 70	UBCKNN, TTGDCK TP. HCM, LUGIACO, DAS

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Vì vậy cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu niêm yết của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành. Theo Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch của một tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch trên Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông là người nước ngoài tại Công ty đến thời điểm 19/03/2007 là 0,71%.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chỉ được thực hiện một lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba).

Ngoài ra, 50% số cổ phiếu phát hành cho đối tác chiến lược sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng.

12. Các loại thuế có liên quan

Theo qui định trong Thông tư số 100/2004/TT-BTC “Hướng dẫn về thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán”, ban hành ngày 20/10/2004, cổ tức thu từ cổ phiếu thuộc diện miễn thuế hoàn toàn đối với tất cả nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.

Thông tư số 100/2004/TT-BTC cũng qui định nhà đầu tư cá nhân không phải đóng thuế trên khoản chênh lệch giá khi bán cổ phiếu. Nhà đầu tư là tổ chức có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất

Trong đó:

Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng* 0,1%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 25%, đồng thời được miễn thuế TNDN trong năm đầu hoạt động (2002) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo (2003-2006) đối với phần thu nhập từ hoạt động sản xuất công nghiệp thuộc dự án di dời phân xưởng sản xuất vào KCN Tân Bình.

Thuế giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% cho các sản phẩm trụ và cần đèn, 10% cho các sản phẩm đèn các loại.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Phú Thọ số hiệu Tài khoản 12743519.

Địa chỉ: 292 – 294 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, TP. HCM

Số điện thoại: (08) 863 8467

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Để đáp ứng kịp lộ trình tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ theo quy định đối với Công ty niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM đến năm 2008, Công ty phát hành cổ phiếu để nâng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2007 đã thông qua phương án phát hành để tài trợ cho 2 dự án: dự án xây dựng nhà máy sản xuất mới tại KCN Nhơn Trạch, Đồng Nai và dự án Khu Chung cư – Văn phòng – Thương mại tại 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11. Hai dự án này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Công ty, bên cạnh việc mở rộng sản xuất còn có ý nghĩa có thể tạo ra những bước phát triển đột biến cho LUGIACO.

2. Phương án khả thi

a. Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất mới tại KCN Nhơn Trạch 5

Năm 2007, Công ty triển khai đầu tư xây dựng nhà máy mới tại KCN Nhơn Trạch 5 – Huyện Nhơn Trạch – Tỉnh Đồng Nai và thực hiện việc di dời toàn bộ hoạt động sản xuất ở Nhà máy hiện tại (KCN Tân Bình) lên nhà máy mới sau khi đã hoàn thành (dự kiến là vào quý I năm 2008). Ngoài các sản phẩm truyền thống của Công ty bao gồm trụ đèn, đèn chiếu sáng công cộng, đèn trang trí công viên, nhà máy mới sẽ sản xuất thêm sản phẩm mới là **trụ thép đơn thân** để cung cấp cho các dự án xây dựng, cải tạo và nâng cấp lưới điện ở các tỉnh phía Nam trong giai đoạn từ 2007-2010 do Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (EVN) chỉ đạo. Việc xây dựng nhà máy mới với trang thiết bị máy móc hiện đại và thực hiện di dời toàn bộ hoạt động sản xuất về đây là một bước đi chiến lược của Công ty nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập.

Những mục tiêu của dự án bao gồm:

- Mở rộng hoạt động sản xuất, nâng cao công suất và phát triển các sản phẩm công nghệ cao.
- Nâng cao chất lượng, sản lượng và kiểu dáng sản phẩm để đạt được tiêu chuẩn quốc tế thông qua hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, tăng cường sức cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Tiết giảm chi phí vận chuyển sản phẩm đi những kẽm.
- Góp phần phục vụ ngành Giao thông Công chính và ngành Điện ngày càng phát triển.

- > Đủ năng lực cạnh tranh với sản phẩm nước ngoài khi Việt Nam gia nhập WTO.

Tiến độ dự án:

Hiện tại, dự án đã hoàn tất các công việc sau: thuê đất – giao nhận đất, thiết kế kỹ thuật – thi công – tổng dự toán dự án. Công ty đã khởi công xây dựng nhà máy vào tháng 5 năm 2007.

Các thông số của dự án:

Tổng diện tích thuê đất: 20.000 m²

Diện tích xây dựng: 11.696 m²

Tổng mức đầu tư của dự án là 53,913 tỷ đồng trong đó giai đoạn 1 là 42,383 tỷ; giai đoạn 2 là 11,53 tỷ. Ngân hàng Đồng bằng Sông Cửu Long và SAMCO đã đồng ý cho Công ty vay 40 tỷ đồng để tài trợ cho giai đoạn 1 của dự án này. Công ty sẽ dùng nguồn tiền từ việc bán quyền sử dụng đất ở KCN Tân Bình để tài trợ cho giai đoạn 2 của dự án.

Chi tiết giai đoạn 1 như sau:

<i>Đơn vị tính: triệu đồng</i>	
Hạng mục	Số tiền
Tiền thuê đất	8.000
Chi phí xây lắp	15.764
Chi phí đầu tư trang thiết bị	16.013
Kiến thiết cơ bản	1.970
Dự phòng phí (2%)	636
Tổng mức đầu tư	42.383

Nguồn: Báo cáo khả thi Dự án nhà máy - LUGIACO

Tổng vốn đầu tư dự kiến như sau:

<i>Đơn vị tính: triệu đồng</i>	
Hạng mục	Số tiền
Vốn tự có	2.384
Vốn vay	40.000
Tổng nguồn vốn	42.384

Nguồn: Báo cáo khả thi Dự án nhà máy - LUGIACO

Công suất chế tạo của nhà máy mới như sau:

- > Chóá đèn các loại : 20.000 sản phẩm/năm.
- > Trụ đèn chiếu sáng : 18.000 sản phẩm/năm.
- > Trụ điện lực : 1.000 sản phẩm/năm.

- > Sản phẩm cơ khí khác: 300 tấn/năm (gia công lan can cầu, phụ kiện thép ...)

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận từ Dự án nhà máy như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Doanh thu	27.776	31.906	34.479	37.671	41.540
Chi phí	28.094	31.334	33.150	35.418	38.161
- Chi phí sản xuất	25.991	29.427	31.578	34.242	37.465
- Lãi vay dài hạn	2.103	1.908	1.571	1.576	696
Lãi trước thuế	(318)	572	1.329	2.253	3.379
Lũy kế lãi trước thuế	(318)	254	1.584	3.837	7.215

Nguồn: Báo cáo khả thi Dự án nhà máy - LUGIACO

Các chỉ tiêu khả thi của dự án:

Hiện giá thuần của dự án đầu tư (lãi suất 9%): NPV = 28.648.723 đồng

Tỉ suất thu hồi vốn: IRR = 20,6%

Bên cạnh việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy, Công ty cũng đồng thời chuẩn bị tuyển dụng, đào tạo và bố trí đội ngũ kỹ sư để đảm bảo cho việc tiếp quản, chuyển giao công nghệ và vận hành có hiệu quả dây chuyền máy móc thiết bị mới tại Nhà máy. Ngoài ra, Công ty còn đẩy mạnh công tác tiếp thị sản phẩm tại khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam và các tỉnh miền Tây, tích cực liên hệ các chủ đầu tư nhằm tiếp cận nắm bắt thông tin để tham gia dự thầu thiết kế thi công những công trình trọng điểm có quy mô lớn nhằm tạo đầu ra cho việc tiêu thụ sản phẩm...

b. Dự án xây dựng Khu Chung cư – Văn phòng – Thương mại

Song song với Dự án Nhà máy tại KCN Nhơn Trạch 5, trong giai đoạn 2007 - 2010, Công ty sẽ triển khai dự án xây dựng Khu Chung cư – Văn phòng – Thương mại tại số 70 Lữ Gia – Phường 15 – Quận 11 với tổng diện tích mặt bằng là 4.990 m², dự kiến khởi công vào tháng 8 năm 2007 và hoàn thành vào Quý 4 năm 2009. Theo thiết kế ban đầu, tòa nhà bao gồm:

- > Tầng hầm 1: Để xe 04 bánh.
- > Tầng hầm 2: Để xe 02 bánh.
- > Tầng 1 – Tầng 5: Văn phòng cho thuê và khu thương mại.
- > Tầng 6 – Tầng 20: Căn hộ chung cư.
- > Sân thượng: -

Diện tích mặt bằng: 4.990 m²

Diện tích xây dựng: 39.877 m²

Tổng mức đầu tư của dự án là 357 tỷ đồng, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Hạng mục	Số tiền
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất	116
Chi phí xây lắp	198
Chi phí đầu tư trang thiết bị	26,8
Kiến thiết cơ bản	11,7
Dự phòng phí (2%)	4,5
Tổng mức đầu tư	357

Nguồn: Báo cáo khả thi Dự án chung cư – văn phòng – thương mại – LUGIACO

Nguồn vốn huy động phục vụ dự án này:

- > Sử dụng một phần vốn tự có để làm vốn đối ứng (5-7% tổng nguồn vốn).
- > Vốn vay (35-38% tổng nguồn vốn).
- > Sử dụng vốn thu được từ tiền của khách hàng đăng ký mua căn hộ (55% tổng nguồn vốn).

Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam đã đồng ý cho Công ty vay với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng thông qua bảo lãnh của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM (CII). Và Đại hội cổ đông thường niên năm 2007 cũng đã đồng ý cho CII tham gia góp 25% vốn vào dự án xây dựng Khu Chung cư – Thương mại – Dịch vụ tại 70 Lữ Gia.

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Dự án:

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Doanh thu	34.000	71.894	73.854	103.447	29.853	35.418
Chi phí	24.241	47.251	44.477	66.556	10.312	8.681
Lãi trước thuế	10.103	24.643	29.377	36.912	19.541	26.737

Nguồn: Báo cáo khả thi Dự án chung cư – văn phòng – thương mại – LUGIACO

Lưu ý:

- > Doanh thu từ năm 2007 – 2009 của Dự án là số tiền thu trước của khách hàng đặt mua căn hộ chung cư theo tiến độ xây dựng chung cư.
- > Năm 2010 là năm khu chung cư hoàn thành và đi vào hoạt động. Doanh thu năm 2010 bao gồm:
 - ◆ Số tiền thu từ khách hàng sau khi đã giao căn hộ chung cư: 77.334 triệu đồng.
 - ◆ Số tiền thu được từ hoạt động kinh doanh khu thương mại, văn phòng cho thuê và tầng hầm để xe: 26.113 triệu đồng.

- Từ năm 2011 trở đi, doanh thu của dự án là từ hoạt động kinh doanh khu thương mại, văn phòng cho thuê và tầng hầm để xe.

Các chỉ tiêu khả thi của dự án:

Hiện giá thuần của dự án đầu tư (Lãi suất chiết khấu 9%): 71.304 triệu đồng

Tỉ suất thu hồi vốn IRR = 23%

Công ty sẽ phối hợp chặt chẽ với đơn vị tư vấn thiết kế kỹ thuật thi công, tư vấn quản lý dự án và các cơ quan chức năng để sớm giải phóng mặt bằng và khởi công xây dựng dự án đúng tiến độ đề ra. Ngoài ra, Công ty cũng dự kiến dành khoảng 1% doanh thu cho kinh phí xúc tiến bán hàng và tiếp thị nhằm đảm bảo doanh thu cho dự án.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được dự kiến là 42 tỷ đồng từ phát hành thêm 2.000.000 cổ phần để tài trợ một phần cho 2 dự án: Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất mới tại KCN Nhơn Trạch 5 và Dự án xây dựng Khu Chung cư – Văn phòng – Thương mại tại 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11. Cụ thể như sau:

Dự án	Vốn đầu tư	Thời gian thực hiện
Xây dựng Nhà máy sản xuất mới tại KCN Nhơn Trạch 5	02 tỷ	Tháng 05/2007
Xây dựng Khu Chung cư – Văn phòng – Thương mại tại 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11	40 tỷ	Tháng 08/2007

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

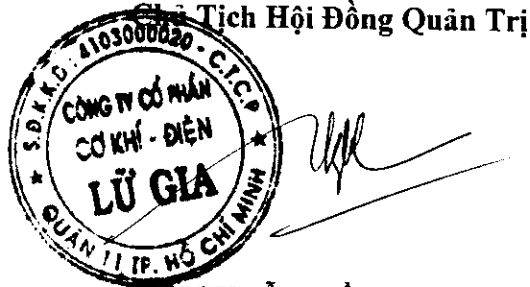
- 1. Tổ chức tư vấn phát hành : Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**
- Trụ sở chính : 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại : (84.8) 821 8666
Fax : (84.8) 821 4891
Website : www.das.vn
- 2. Tổ chức kiểm toán : Công ty Kiểm toán & Dịch vụ Tin học (AISC)**
- Trụ sở chính : 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM
Điện thoại : (84.8) 930 5163 (10 lines).
Fax : (84.8) 930 4281
Website : www.aisc.com.vn

IX. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2005 và 2006, báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2006, báo cáo tài chính quý II/2007 Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
4. Phụ lục IV: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007
5. Phụ lục V: Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu
6. Phụ lục VI: Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc triển khai đợt phát hành
7. Phụ lục VII: Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGD, BKS và Kế toán trưởng
8. Phụ lục VIII: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH 1 Thành viên Cơ khí Điện Lữ Gia, Báo cáo tài chính năm 2006 và Báo cáo tài chính quý II/2007 Công ty TNHH 1 Thành viên Cơ khí – Điện Lữ Gia.
9. Phụ lục IX: Công văn giải trình
10. Phụ lục X: Tài liệu khác

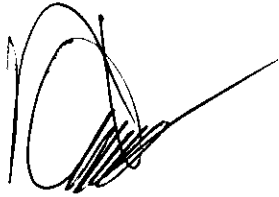
TP.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2007

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - ĐIỆN LỮ GIA



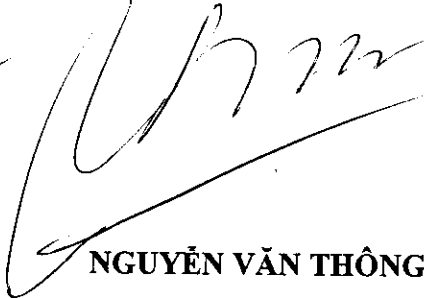
NGUYỄN HỒNG ANH

Giám Đốc



CAO TÂN KHƯƠNG

Kế Toán Trưởng



NGUYỄN VĂN THÔNG

Trưởng Ban Kiểm Soát



NGUYỄN ANH TUẤN